

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH -
ỦY BAN QUỐC GIA VỀ THANH NIÊN VIỆT NAM



SỔ TAY THANH NIÊN ASEAN 2020

(Dành cho cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ASEAN	7
1. Quá trình hình thành và phát triển	7
2. Định hướng và Nguyên tắc ASEAN	8
3. Cơ cấu tổ chức của ASEAN	9
4. Các diễn đàn khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt	11
5. Ngày ASEAN.....	13
II. CỘNG ĐỒNG ASEAN 2015	15
1. Quá trình hình thành ý tưởng.....	15
2. Mục tiêu tổng quát	15
3. Các Trụ cột của Cộng đồng ASEAN 2015	17
4. Ý nghĩa.....	18
III. TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025	21
1. Nội dung.....	21
2. Ý nghĩa.....	24
IV. ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN	27
1. Quá trình Việt Nam tham gia ASEAN	27
2. Những đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng.....	27
3. Tác động của Cộng đồng ASEAN đối với Việt Nam.....	30
V. HỢP TÁC THANH NIÊN TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN, ASEAN+.....	36
1. Các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN.....	36
2. Các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN+	37
3. Sự tham gia của Trung ương Đoàn và Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam vào các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN	38
4. Các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN, ASEAN+ trong năm Chủ tịch ASEAN 2020	42
VI. Một số thông tin cơ bản về các quốc gia thành viên ASEAN	45
1. Giới thiệu về Nhà nước Brunei Darussalam	45
2. Giới thiệu về Vương Quốc Campuchia.....	51
3. Giới thiệu về nước Cộng hòa Indonesia	56
4. Giới thiệu về nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.....	61
5. Giới thiệu về Liên Bang Malaysia.....	66
6. Giới thiệu về nước Cộng hòa Liên bang Myanmar	71
7. Giới thiệu về Cộng hòa Philippines.....	79
8. Giới thiệu về nước Cộng hòa Singapore	85
9. Giới thiệu về Vương Quốc Thái Lan	89

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1967, Tuyên bố Bangkok đã khai sinh Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với mục tiêu “thúc đẩy hợp tác, tạo dựng nền tảng vững chắc cho một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng của các quốc gia khu vực”. 48 năm sau, vào ngày 22/11/2015, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 27 diễn ra ở thủ đô Kuala Lumpur của Malaysia, Lãnh đạo của 10 quốc gia thành viên ASEAN đã đặt bút ký Tuyên bố hình thành Cộng đồng ASEAN 2015, và ngày 31/12/2015, Cộng đồng ASEAN đã được chính thức thành lập, hiện thực hóa mục tiêu sáng lập của ASEAN về “một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng của các quốc gia khu vực”.

Năm 2020, Việt Nam đảm nhận cương vị Chủ tịch luân phiên ASEAN. Việt Nam đã chọn chủ đề “Gắn kết và Chủ động thích ứng” và 5 ưu tiên đó là phát huy vai trò và đóng góp tích cực của ASEAN vào công cuộc duy trì hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực; thúc đẩy liên kết và kết nối khu vực, nâng cao khả năng thích ứng và tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0; Thúc đẩy ý thức cộng đồng và bản sắc ASEAN; Đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững; Nâng cao năng lực thích ứng, hiệu quả hoạt động của ASEAN.

Với mục tiêu cung cấp thông tin về ASEAN, Cộng đồng ASEAN, các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN và ASEAN+ cùng các thông tin bổ ích về ASEAN, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam trân trọng gửi tới các đoàn viên, thanh niên cuốn Sổ tay Thanh niên ASEAN. Chúng tôi hy vọng cuốn Sổ tay này sẽ mang đến cho các bạn những thông tin cơ bản và hữu ích về ASEAN cũng như hợp tác thanh niên ASEAN.

Trân trọng cảm ơn.

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh –

Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam



I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ASEAN

1. Quá trình hình thành và phát triển

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 08/8/1967 khi Bộ trưởng Ngoại giao các nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan ký Tuyên bố Bangkok thành lập ASEAN. Ngày 08/01/1984, Brunei Darussalam được kết nạp vào ASEAN. Việt Nam gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995 tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 tổ chức tại Brunei, trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN. Tháng 7/1997, Lào và Myanmar gia nhập ASEAN. Cam-pu-chia gia nhập ASEAN tháng 4/1999, hiện thực hóa ý tưởng thành lập một Hiệp hội bao gồm 10 quốc gia Đông Nam Á.

Một ASEAN bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á đã giúp tạo dựng mối quan hệ mới về chất giữa các nước thành viên, trên cơ sở hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, hợp tác toàn diện và ngày càng chặt chẽ cả về song phương và đa phương. Đoàn kết và hợp tác ASEAN ngày càng được củng cố và tăng cường theo phương châm bảo đảm sự “thống nhất trong đa dạng”, trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, nhất là nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Theo thời gian, hợp tác nội khối ngày càng được đẩy mạnh cả về chiều sâu và bề rộng, đạt được những kết quả to lớn, hỗ trợ tích cực cho các nước thành viên phát triển kinh tế-xã hội, tạo ra tiền đề quan trọng để ASEAN gia tăng liên kết khu vực sâu rộng hơn.

2. Định hướng và Nguyên tắc ASEAN

Hiến chương ASEAN khẳng định lại các nguyên tắc cơ bản của ASEAN (gồm 13 nguyên tắc) về: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, bản sắc dân tộc; Không xâm lược hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; giải quyết hòa bình các tranh chấp; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau..., đồng thời bổ sung một số nguyên tắc mới như: Tăng cường tham vấn về những vấn đề có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của ASEAN; Không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào nhằm sử dụng lãnh thổ của một nước thành viên đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và ổn định kinh tế của các nước thành viên khác...

Cụ thể, Điều 2 Hiến chương ASEAN nêu rõ: ASEAN và các Quốc gia Thành viên hoạt động theo các Nguyên tắc dưới đây:

- i) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các Quốc gia thành viên;
- ii) Cùng cam kết và chia sẻ trách nhiệm tập thể trong việc thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực;
- iii) Không xâm lược, sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hay các hành động khác dưới bất kỳ hình thức nào trái với luật pháp quốc tế;
- iv) Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình;
- v) Không can thiệp vào công việc nội bộ của các Quốc gia thành viên ASEAN;
- vi) Tôn trọng quyền của các Quốc gia Thành viên được quyết định vận mệnh của mình mà không có sự can thiệp, lật đổ và áp đặt từ bên ngoài;
- vii) Tăng cường tham vấn về các vấn đề có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của ASEAN;
- viii) Tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt, các nguyên tắc của nền dân chủ và chính phủ hợp hiến;
- ix) Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, và đẩy mạnh công bằng xã hội;

x) Đề cao Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế bao gồm cả luật nhân đạo quốc tế mà các Quốc gia Thành viên đã tham gia;

xi) Không tham gia vào bất kỳ một chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước, do bất kỳ một Quốc gia Thành viên ASEAN hay ngoài ASEAN hoặc đối tượng không phải là quốc gia tiến hành, đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay sự ổn định chính trị và kinh tế của các Quốc gia Thành viên ASEAN;

xii) Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN, đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng;



xiii) Giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong các quan hệ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội với bên ngoài, đồng thời vẫn duy trì tính chủ động, hướng ra bên ngoài, thu nạp và không phân biệt đối xử;

xiv) Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa biên và các cơ chế dựa trên luật lệ của ASEAN nhằm triển khai có hiệu quả các cam kết kinh tế, và giảm dần, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các rào cản đối với liên kết kinh tế khu vực, trong một nền kinh tế do thị trường thúc đẩy.

3. Cơ cấu tổ chức của ASEAN:

ASEAN hoạt động trên cơ sở Hiến chương ASEAN, có tổ chức bộ máy hoàn chỉnh gồm hơn 800 cơ chế từ Cấp cao, cấp Bộ trưởng, Quan chức cao cấp (SOM) và cấp làm việc trong hầu hết các lĩnh vực hợp tác ASEAN cũng như giữa ASEAN với các đối tác. Theo Hiến chương, ASEAN gồm các cơ quan chính sau:

- Cấp cao ASEAN là cơ quan ra quyết định cao nhất, gồm những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ của các Quốc gia thành viên; Hội nghị Cấp cao ASEAN họp 02 lần/năm.

- Cấp Bộ trưởng:

+ Hội đồng Điều phối ASEAN (ACC) gồm các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN, có nhiệm vụ điều phối công việc của cả 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN, chuẩn bị và triển khai các quyết định của Cấp cao; họp ít nhất 2 lần/năm.

+ Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN (Community Councils) ở cấp Bộ trưởng, họp ít nhất 2 lần/năm để điều phối và triển khai công việc của từng trụ cột (Chính trị-An ninh, Kinh tế, Văn hóa-Xã hội).

+ Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng: thực hiện các thỏa thuận, quyết định của Cấp cao trong phạm vi phụ trách, và báo cáo/khuyến nghị lên Cấp cao và Hội đồng Cộng đồng phụ trách tương ứng.

- Cấp Quan chức cao cấp (SOM): Các cơ chế cấp Bộ trưởng đều được hỗ trợ bởi cơ chế Quan chức cao cấp (SOM) tương ứng.

- Ủy ban Đại diện Thường trực các nước tại ASEAN (CPR): (Cập nhật nội dung theo Điều 12 của Hiến chương)

- Ban Thư ký Quốc gia về ASEAN: là Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao đóng vai trò đầu mối quốc gia, điều phối triển khai các hoạt động hợp tác của ASEAN ở cấp quốc gia.

- Tổng Thư ký và Ban Thư ký ASEAN: Tổng Thư ký ASEAN là Quan chức Hành chính cao cấp nhất của ASEAN, do các nước thành viên đề cử luân phiên với nhiệm kỳ 5 năm (không gia hạn) với nhiệm vụ: (i) tạo điều kiện thuận lợi và theo dõi tiến độ thực hiện các thỏa thuận và quyết định của ASEAN và đệ trình báo cáo hàng năm về các hoạt động của ASEAN lên Hội nghị Cấp cao ASEAN; (ii) tham gia các Hội nghị Cấp cao ASEAN, các Hội đồng Cộng đồng ASEAN, Hội đồng Điều phối chung ASEAN, và các Cơ quan chuyên ngành ASEAN cấp Bộ trưởng và các cuộc họp liên quan khác của ASEAN; (iii) thể hiện quan điểm của ASEAN và tham gia vào các cuộc họp với các đối tác bên ngoài (Bổ sung theo Điều 11, điểm 2 của Hiến chương). Ban Thư ký ASEAN, đặt tại Jakarta, Indonesia có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Thư ký hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- Quan hệ đối ngoại: ASEAN duy trì quan hệ Đối tác Đối thoại với 11 nước và tổ chức quốc tế gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ, Nga, Liên minh Châu Âu (EU), Canada và Liên Hợp Quốc. ASEAN đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược với 7 nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ), 4 Đối tác theo lĩnh vực (Pakistan, Na-uy, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ) và 2 Đối tác phát triển (Đức và Peru). Các đối tác đều coi trọng quan hệ và đẩy mạnh hợp tác toàn diện với ASEAN cả về đa phương và song phương, hỗ trợ ASEAN xây dựng Cộng đồng, ủng hộ vai trò chủ đạo của Hiệp hội ở khu vực. Đến nay đã có 93 nước ngoài khu vực cử Đại sứ tại ASEAN. ASEAN cũng đã lập 54 Ủy ban ASEAN tại nước thứ 3 và tổ chức quốc tế để thúc đẩy hợp tác các vấn đề ASEAN quan tâm cũng như quảng bá hình ảnh ASEAN ra với cộng đồng quốc tế.



4. Các diễn đàn khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt:

- ASEAN+3 thành lập năm 1997, xuất phát từ nhu cầu hợp tác của 10 nước ASEAN và 3 nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm đối phó với tác động của khủng hoảng tài chính châu Á khi đó. Theo thời gian, ASEAN+3 đã không ngừng phát triển và mở rộng lĩnh vực hợp tác, hiện trải dài trên

nhiều lĩnh vực như bảo đảm an ninh tài chính, du lịch, nông và lâm nghiệp, an ninh năng lượng và lương thực, y tế, xóa đói giảm nghèo...

- Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) được thành lập năm 2005, đến nay bao gồm 18 thành viên (10 nước ASEAN và 8 Đối tác Đối thoại là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ và Nga), là diễn đàn của các lãnh đạo khu vực đối thoại về các vấn đề chiến lược bao gồm cả nội dung chính trị-an ninh, kinh tế, hợp tác phát triển và đối phó với các thách thức khu vực và toàn cầu, nhằm tăng cường tin cậy, hiểu biết vì hòa bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng ở Đông Á. Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) ưu tiên thúc đẩy hợp tác ở 6 lĩnh vực gồm: (i) năng lượng và môi trường; (ii) giáo dục; (iii) tài chính và kinh tế; (iv) y tế và dịch bệnh; (v) quản lý thiên tai; và (vi) hợp tác kết nối.



- Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+) được thành lập năm 2010 tại Hà Nội, nhằm tạo dựng một khuôn khổ đối thoại và hợp tác về các vấn đề quốc phòng và an ninh ở khu vực. ADMM+ có sự tham gia của 10 nước thành viên ASEAN và 8 Đối tác Đối thoại (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ và Nga). ADMM+ thúc đẩy hợp tác trên 6 lĩnh vực ưu tiên bao gồm: (i) hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa; (ii) an ninh biển; (iii) chống khủng bố; (iv) quân y; (v) hoạt động gìn giữ hòa bình; và (vi) giải quyết bom mìn nhân đạo.

- Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) ra đời tháng 7/1994, đến nay có 27 nước và tổ chức tham gia, bao gồm 10 nước ASEAN, 10 Đối tác Đối thoại của ASEAN (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ, Nga, Liên Minh Châu Âu và Canada) cùng với Papua New Guinea, Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, và Timor Leste. ARF là

là diễn đàn đối thoại và hợp tác giữa các nước tham gia về các vấn đề chính trị-an ninh khu vực, tiến triển qua 3 giai đoạn: xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và xem xét xây dựng cơ chế giải quyết xung đột theo quan điểm an ninh toàn diện, kể cả chính trị, kinh tế-xã hội và các vấn đề xuyên quốc gia.

5. Ngày ASEAN

Ngày 8 tháng 8 được chọn là Ngày ASEAN. Hàng năm vào ngày này, Bộ Ngoại giao các nước ASEAN tổ chức Lễ thượng cờ ASEAN cùng với các hoạt động kỷ niệm khác.



II. CỘNG ĐỒNG ASEAN 2015

1. Quá trình hình thành ý tưởng

- Ý tưởng về Cộng đồng ASEAN được đề cập sau khi ASEAN thông qua Tầm nhìn ASEAN 2020 (năm 1997) và bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á (năm 1999). Đến năm 2003, các Lãnh đạo ASEAN chính thức quyết định xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2020; và đến năm 2007, để kịp thích ứng với những chuyển biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực, các Lãnh đạo ASEAN đã nhất trí đạt mục tiêu này vào năm 2015.

- Để xây dựng Cộng đồng ASEAN, ASEAN thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN năm 2009 với hơn 800 biện pháp/hoạt động cụ thể; thông qua Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) về thu hẹp khoảng cách phát triển vào năm 2000 và Kế hoạch về Kết nối ASEAN (MPAC) vào năm 2010. Nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế cho xây dựng Cộng đồng, các Lãnh đạo ASEAN ký Hiến chương ASEAN năm 2007 (có hiệu lực năm 2008).

2. Mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng ASEAN trở thành một Cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, có trách nhiệm về xã hội và hợp tác rộng mở với bên ngoài; hoạt động theo luật lệ và hướng tới người dân. Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên 3 trụ cột (là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội) và 02 kế hoạch (là Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2010 và Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 2 (2009-2015)).

- **Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)** có mục tiêu tạo dựng môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị-an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với 3 đặc trưng chính gồm: một Cộng đồng hoạt động theo luật lệ với các giá trị, chuẩn mực chung; một khu vực gắn kết, hòa bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện; và một khu vực năng động, quan hệ rộng mở với bên ngoài.

- **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)** nhằm tạo ra một thị trường duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề và phần nào là vốn; có sức cạnh tranh cao; phát triển đồng đều; và hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

- **Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC)** hướng tới phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy một xã hội đùm bọc và chia sẻ trách nhiệm, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và ý thức về bản sắc chung, thúc đẩy bình đẳng và công bằng xã hội cũng như bảo vệ môi trường bền vững.

- **Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2010** được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 17 tại Hà Nội, tập trung vào 3 lĩnh vực chính: (i) kết nối cơ sở hạ tầng (giao thông vận tải, năng lượng, công nghệ thông tin); (ii) kết nối thể chế (tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại, lưu chuyển đầu tư và vốn trong khu vực); (iii) kết nối con người (giáo dục, văn hóa, du lịch).

- **Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 2 (2009-2015)** được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 tại Thái Lan, với mục tiêu thúc đẩy liên kết kinh tế ASEAN thông qua hỗ trợ các nước ASEAN, chủ yếu là các nước CLMV (Cam-pu-chia, Lào, Myanmar, Việt Nam) thu hẹp khoảng cách phát triển, phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.



- Ngoài ra, ASEAN đặt mục tiêu làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác và giữ vai trò trung tâm ở khu vực thông qua nhiều khuôn khổ như ASEAN+3, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+); và được lồng ghép vào từng trụ cột Cộng đồng ASEAN 2015.

3. Các Trụ cột của Cộng đồng ASEAN 2015

Cộng đồng ASEAN 2015 ra đời là sự tích tụ kết quả hợp tác ASEAN trong gần 5 thập kỷ qua, phản ánh mức độ liên kết ASEAN đạt được đến nay; đưa ASEAN trở thành một tổ chức có mức độ liên kết cao hơn trước đây, khá chặt chẽ và có vai trò quan trọng ở khu vực. Cộng đồng ASEAN 2015 có 3 đặc trưng chính sau: (i) là một tổ chức liên Chính phủ, bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia thành viên, ra quyết định theo nguyên tắc đồng thuận, có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau; (ii) hợp tác toàn diện và chặt chẽ trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội và quan hệ đối ngoại; (iii) có tổ chức bộ máy hoàn chỉnh, hoạt động trên cơ sở pháp lý và các nguyên tắc cơ bản trong Hiến chương ASEAN.

- **Trụ cột chính trị - an ninh:** ASEAN đạt nhiều kết quả quan trọng trong việc duy trì hòa bình, ổn định và an ninh khu vực, đó là: (i) thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước trong và ngoài ASEAN; (ii) tạo dựng được sự tin cậy và gắn kết giữa các nước thành viên; (iii) xây dựng lòng tin, chia sẻ và phát huy giá trị các quy tắc và chuẩn mực ứng xử giữa các nước ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương; (iv) tăng cường hợp tác và nâng cao năng lực xử lý những thách thức an ninh; hạn chế sự can thiệp và chi phối của các nước lớn. Thông qua đó, ASEAN khẳng định được vai trò trung tâm ở khu vực, ngăn ngừa và quản lý các tranh chấp hoặc nguy cơ xung đột.

Trong vấn đề Biển Đông, ASEAN đã có nhiều nỗ lực và vai trò quan trọng, cụ thể: (i) thường xuyên lên tiếng cảnh báo về nguy cơ, thu hút sự quan tâm và đóng góp của các nước đối tác và cộng đồng quốc tế; (ii) đề cao việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; (iii) tiến hành các biện pháp xây dựng lòng tin và xây dựng các quy tắc ứng xử, ký Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC) và đang đàm phán xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC) hiệu lực, hiệu quả và thực chất; (iv) thúc đẩy đối thoại và hợp tác về các vấn đề trên biển nhằm ngăn ngừa nguy cơ đụng độ/xung đột, bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải và hàng không ở Biển Đông.

- **Trụ cột kinh tế:** ASEAN đạt được những tiến triển cụ thể và thực chất trong hợp tác, liên kết kinh tế nội khối cũng như kết nối kinh tế toàn cầu. Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự mở rộng về phạm vi và nâng cao về mức

độ tự do hóa của Hiệp định Thương mại tự do ASEAN (AFTA), trong đó cơ bản không còn thuế quan đối với hàng hóa và có sự lưu chuyển thông thoáng hơn về dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề, có sự hợp tác khá chặt chẽ trong các lĩnh vực kinh tế ngành và kết nối đáng kể với nền kinh tế toàn cầu (thông qua các Hiệp định Thương mại Tự do với nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới). Kết quả hợp tác và liên kết kinh tế ASEAN đã giúp mở rộng thị trường, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh nội khối, đồng thời tạo sự hấp dẫn thu hút đầu tư-kinh doanh từ bên ngoài vào ASEAN.

- **Trụ cột văn hóa - xã hội:** Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực văn hóa-xã hội ngày càng đi vào cụ thể và thiết thực trong nhiều lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân như giáo dục, y tế, an sinh xã hội, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, lao động di cư, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý thiên tai, văn hóa và giao lưu nhân dân... Kết quả lớn nhất là tạo ra những cơ chế và khuôn khổ hợp tác, hài hòa hóa các quy định và tiêu chuẩn chung cũng như nâng cao năng lực cho các nước thực hiện các chính sách thúc đẩy bình đẳng và công bằng xã hội, phát triển bền vững, cải thiện cuộc sống của người dân, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia và đóng góp vào hợp tác ASEAN, giúp nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung.

ASEAN đã tranh thủ được sự hợp tác và hỗ trợ thiết thực từ các đối tác phục vụ mục tiêu an ninh và phát triển; xác lập được vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình. Các Đối tác đều coi trọng quan hệ, đẩy mạnh hợp tác toàn diện với ASEAN cả về đa phương và song phương, ủng hộ ASEAN xây dựng Cộng đồng và giữ vai trò trung tâm ở khu vực; chủ động đề ra những cam kết hỗ trợ ASEAN. Các diễn đàn khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt như ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+) đã trở thành những cơ chế quan trọng trong hợp tác khu vực, góp phần thúc đẩy xu thế hợp tác và liên kết ở Đông Á và Châu Á-Thái Bình Dương.

4. Ý nghĩa

Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN 2015 với 3 trụ cột về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội đã hiện thực hóa mục tiêu của ASEAN về hình

thành một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế và có trách nhiệm về xã hội và có vai trò quan trọng ở khu vực. Đây là thành quả to lớn của ASEAN sau 48 năm ra đời, đánh dấu mốc lịch sử trong tiến trình liên kết khu vực và có ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

Cộng đồng ASEAN 2015 phản ánh sự trưởng thành và lớn mạnh của ASEAN, từ một hiệp hội với tổ chức còn lỏng lẻo ở Đông Nam Á thành một Cộng đồng bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á, hoạt động trên cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế rõ ràng, gắn kết chặt chẽ trên cả 3 trụ cột về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội với vai trò và vị thế ngày càng cao ở khu vực và trên thế giới. ASEAN hiện là đối tác không thể thiếu của các nước và trung tâm lớn trên thế giới, là nhân tố quan trọng hàng đầu đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Đồng thời, sự hình thành Cộng đồng ASEAN 2015 thể hiện tầm nhìn và quyết tâm chính trị mạnh mẽ của cả 10 quốc gia Đông Nam Á để vượt qua những rào cản của lịch sử và sự khác biệt, gắn bó với nhau trong tình hữu nghị, hiểu biết, tin cậy, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, hợp tác chặt chẽ cả về đa phương và song phương vì một tầm nhìn và một vận mệnh chung.

Cộng đồng ASEAN 2015 đã và sẽ mang lại những lợi ích quan trọng và thiết thực cho các nước thành viên, mà bao trùm là tạo môi trường khu vực hòa bình và ổn định để mỗi nước tập trung phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cuộc sống của người dân. Những kết quả hợp tác sâu rộng, cả về liên kết nội khối và hợp tác giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài, đã tạo ra những cơ sở vật chất quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho mục tiêu an ninh và phát triển cũng như hội nhập quốc tế của các nước thành viên, đồng thời tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển tiếp theo của Hiệp hội.



III. TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025

Liên kết ASEAN là một tiến trình liên tục, phát triển từ thấp đến cao, trong đó sự hình thành Cộng đồng ASEAN 2015 là một dấu mốc, tạo nền tảng và động lực cho giai đoạn phát triển mới cao hơn. Do vậy, cùng với thời điểm ký Tuyên bố hình thành Cộng đồng ASEAN 2015, các nhà Lãnh đạo ASEAN đã thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và 3 Kế hoạch tổng thể trên 3 trụ cột nhằm xác định một khuôn khổ chiến lược mới, đề ra định hướng, mục tiêu và biện pháp tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn Cộng đồng ASEAN. Đến năm 2016, ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2025 và Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 3 (2016-2020) về thu hẹp khoảng cách phát triển, hoàn tất bộ văn kiện về hợp tác ASEAN trong thời gian tới.

1. Nội dung

- **Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025** đề ra định hướng tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn Cộng đồng ASEAN, với mục tiêu bao trùm là đưa ASEAN trở thành một tổ chức hợp tác khu vực mở có mức độ liên kết sâu rộng hơn và có vai trò quan trọng hơn ở khu vực; một Cộng đồng vận hành theo luật lệ, có sự tham gia rộng rãi hơn của người dân và mang lại những lợi ích thiết thực hơn cho người dân.

- **Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC) 2025** hướng tới 04 mục tiêu lớn: *Một là*, hoạt động theo luật lệ, hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm, với 03 nội dung chính gồm: (i) tuân thủ và phát huy các nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực của ASEAN cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế; (ii) củng cố các giá trị dân chủ, pháp trị, quản trị tốt, chống tham nhũng, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản; (iii) thúc đẩy các giá trị hòa bình, khoan dung và ôn hòa). *Hai là*, duy trì hòa bình, an ninh và ổn định khu vực, với 6 nội dung chính gồm: (i) nâng cao năng lực xử lý các thách thức; (ii) ứng phó kịp thời với những trường hợp khẩn cấp/ khủng hoảng; (iii) giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình; (iv) tăng cường an ninh và hợp tác trên biển; (v) giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống; (vi) khu vực không có vũ khí hạt nhân và các

vũ khí hủy diệt khác. *Ba là*, tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN, với 6 nội dung chính gồm: (i) củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình; (ii) nâng cao hiệu quả của các cơ chế khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo; (iii) tăng cường hợp tác thực chất với các đối tác Đối thoại; (iv) thúc đẩy hợp tác hiệu quả với các đối tác khác; (v) Xem xét mở rộng hợp tác với các đối tác tiềm năng mới; (vi) tăng cường đóng góp cho các vấn đề toàn cầu. *Bốn là*, tăng cường năng lực thể chế và sự hiện diện của ASEAN, với 2 nội dung chính gồm: (i) nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN; (ii) tăng cường sự hiểu biết và hiện diện của ASEAN.



- **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) 2025** hướng tới 5 mục tiêu lớn: *Một là*, một nền kinh tế thống nhất và liên kết cao, nhằm tạo thuận lợi cho sự lưu chuyển thông thoáng của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có kỹ năng cũng như tạo một thị trường thống nhất hơn, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) thương mại hàng hóa; (ii) thương mại dịch vụ; (iii) môi trường đầu tư; (iv) tạo thuận lợi cho di chuyển của lao động có tay nghề và doanh nhân; (v) tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. *Hai là*, một nền kinh tế năng động, đổi mới và cạnh tranh, thông qua các biện pháp chiến lược về:

(i) chính sách cạnh tranh hiệu quả để tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp; (ii) bảo vệ người tiêu dùng; (iii) bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; (iv) thương mại hóa các sản phẩm công nghệ, nghiên cứu và phát triển, sáng chế và tăng trưởng theo năng suất; (v) hợp tác về thuế; (vi) quản trị tốt; (vii) thực tiễn tốt về quản lý; (viii) phát triển kinh tế bền vững; (ix) chiến lược phù hợp về các xu hướng lớn trên toàn cầu liên quan đến thương mại. *Ba là*, kết nối kinh tế và liên kết theo ngành, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) giao thông; (ii) công nghệ thông tin và truyền thông; (iii) thương mại điện tử; (iv) năng lượng; (v) thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp; (vi) du lịch; (vii) chăm sóc y tế; (viii) khoáng sản; (ix) khoa học và công nghệ. *Bốn là*, tự cường, dung nạp và chú trọng người dân, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) vai trò của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; (ii) vai trò của khu vực tư nhân; (iii) quan hệ đối tác công-tư; (iv) thu hẹp khoảng cách phát triển; (v) đóng góp của các nhóm/giới khác cho liên kết khu vực. *Năm là*, gắn kết vào nền kinh tế toàn cầu, chủ yếu thông qua các Hiệp định Thương mại tự do với các đối tác, từ đó tạo cơ sở bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN trong các liên kết kinh tế khu vực.

- **Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC) 2025** hướng tới 5 mục tiêu lớn: *Một là*, thu hút sự tham gia của người dân và mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) thu hút sự tham gia của các nhóm/giới vào các tiến trình của ASEAN; (ii) tăng quyền cho người dân và tăng cường các thể chế bảo đảm. *Hai là*, cộng đồng dung nạp, nhằm đáp ứng tốt hơn lợi ích của người dân về phúc lợi, bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, quyền con người, giảm nghèo, y tế, việc làm, giáo dục và thông tin, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) xóa bỏ các rào cản và đối xử bất bình đẳng để tất cả mọi người dân được hưởng quyền con người và tiếp cận bảo trợ xã hội; (ii) thúc đẩy khả năng tiếp cận cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người dân; (iii) thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. *Ba là*, cộng đồng bền vững, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) bảo tồn và quản lý bền vững các nguyên tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; (ii) phát triển các thành phố bền vững về môi trường; (iii) bền vững về khí hậu (thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, quản lý các nguy cơ của biến đổi khí hậu); (iv) sản xuất và tiêu dùng bền vững. *Bốn là*, một cộng đồng tự

cường, nhằm nâng cao năng lực để cùng xử lý những thách thức, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) khả năng dự báo, xử lý và quản lý thảm họa; (ii) khả năng ứng phó với các mối đe dọa đối với sức khỏe; (iii) khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; (iv) bảo vệ và chăm sóc phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, lao động di cư, các nhóm dễ bị tổn thương và yếu thế khác; (v) bảo đảm cung cấp các nhu yếu phẩm thiết yếu và các dịch vụ phúc lợi xã hội khác khi xảy ra khủng hoảng; (vi) hướng tới một ASEAN “không có ma túy”. Năm là, một cộng đồng năng động, tạo môi trường thuận lợi (chính sách, thể chế) để khuyến khích người dân và doanh nghiệp thích ứng, đổi mới, sáng tạo và trách nhiệm hơn, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) rộng mở và có khả năng thích nghi; (ii) đổi mới, sáng tạo và có khả năng ứng phó; (iii) xây dựng văn hóa kinh doanh trong ASEAN.

- **Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2025** tập trung vào 5 lĩnh vực kết nối chiến lược gồm: (i) cơ sở hạ tầng bền vững; (ii) sáng tạo số; (iii) chuỗi cung ứng không gián đoạn; (iv) tối ưu hóa hoạch định và thực thi chính sách; và (v) giáo dục, đào tạo nghề và đi lại nội khối; đồng thời xây dựng lộ trình, cơ chế giám sát và đánh giá cho mỗi sáng kiến để bảo đảm bám sát tiến độ và hiệu quả triển khai.

- **Kế hoạch công tác Sáng kiến hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 3 (2016-2020)** đề ra 5 lĩnh vực ưu tiên là: (i) thực phẩm và nông nghiệp; (ii) thuận lợi hóa thương mại; (iii) phát triển doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ; y tế và phúc lợi; (v) đào tạo và lao động. Các dòng hành động được xác định dựa trên các tiêu chí như nhu cầu phát triển của các nước CLMV (Cam-pu-chia, Lào, Myanmar và Việt Nam), phù hợp với định hướng của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và kế hoạch công tác của các cơ quan chuyên ngành liên quan, cũng như đáp ứng mối quan tâm của các nhà tài trợ tiềm năng.

2. Ý nghĩa

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các văn kiện liên quan là sản phẩm của sự đồng thuận, phản ánh tầm nhìn và lợi ích chung của các nước thành viên về một ASEAN trong 10 năm tới. Những điểm mới đáng kể là: (i) đề ra mục tiêu liên kết sâu rộng hơn, đồng thời coi trọng hơn cơ sở pháp lý và lợi

ích của người dân cũng như đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN; (ii) mối quan hệ gắn kết và hỗ trợ giữa 3 trụ cột Cộng đồng được thể hiện đậm nét qua các mục tiêu xuyên suốt (liên kết và gắn kết, dựa trên luật lệ, nâng cao năng lực, hướng tới người dân và phục vụ lợi ích thiết thực của người dân, năng động và sáng tạo, phát triển bền vững, quan hệ rộng mở với bên ngoài nhưng vẫn bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN trong quan hệ và trong cấu trúc khu vực đang định hình).





IV. ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN

1. Quá trình Việt Nam tham gia ASEAN

Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995, nhưng quá trình Việt Nam tham gia ASEAN đã được khởi động từ trước đó, cụ thể là: tháng 7/1992 tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) và trở thành quan sát viên của ASEAN; từ năm 1993 hợp tham vấn thường xuyên với ASEAN nhân dịp Hội nghị Ngoại trưởng SEAN hàng năm, tham gia các chương trình và dự án hợp tác ASEAN trên 5 lĩnh vực: khoa học-công nghệ, môi trường, y tế, văn hoá-thông tin, phát triển xã hội; năm 1994 trở thành một trong những thành viên sáng lập Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF).

2. Những đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng

Thời điểm Việt Nam tham gia ASEAN ngày 28/7/1995 có thể xem như một bước ngoặt trong tiến trình mở cửa và hội nhập của đất nước. Cánh cửa đầu tiên đã được mở ra giúp Việt Nam từng bước tháo gỡ thế bao vây, cấm vận, đưa đất nước hoà nhập vào đời sống khu vực. Hơn 20 năm tham gia ASEAN đã chứng kiến quá trình trưởng thành của Việt Nam trên sân chơi hội nhập từ giai đoạn học hỏi, làm quen, đến thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên, tiến tới tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm. Trong thời gian đó, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển và thành công của ASEAN.

- Ba năm sau khi chính thức gia nhập, Việt Nam đã đảm nhận nghĩa vụ lớn đầu tiên với việc tổ chức **Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 (1998), chủ trì xây dựng và thông qua Chương trình Hành động Hà Nội triển khai Tầm nhìn ASEAN 2020** cũng như đề ra các biện pháp ứng phó với các vấn đề này sinh sau khủng hoảng tài chính khu vực, để lại dấu ấn tốt đẹp đầu tiên của Việt Nam trong ASEAN. Ba năm tiếp theo đó, Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (2000-2001) khóa 34, chủ trì thành công chuỗi các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và giữa ASEAN với các Đối tác tại Hà Nội tháng 7/2001, đề xuất và thông qua **Tuyên bố Hà Nội về Thu hẹp khoảng cách phát triển**, cụ thể hoá Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI).

- Vai trò của Việt Nam tiếp tục được thể hiện rõ nét qua những đóng góp tích cực cho quá trình xây dựng các văn kiện định hướng lớn, đưa ASEAN chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh liên kết và xây dựng cộng đồng như: Tuyên bố Hòa hợp Bali II năm 2003, Chương trình Hành động Vientiane năm 2004, Hiến chương ASEAN năm 2007, Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009-2015, Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 2.

- Một trong những kết quả nổi bật của Việt Nam là thực hiện xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN trong năm 2010 - năm bản lề quan trọng đối với ASEAN trong kế hoạch 5 năm thực hiện Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào 2015 và trong giai đoạn chuyển tiếp đưa Hiến chương ASEAN vào cuộc sống với tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động mới. Việt Nam đã thúc đẩy hợp tác ASEAN với chủ đề **“Hướng tới cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động”**; chủ trì tổ chức và điều hành một loạt các hoạt động quan trọng của ASEAN và thông qua nhiều Văn kiện, tuyên bố quan trọng, có tầm chiến lược trong định hướng phát triển của ASEAN. Việt Nam đã chủ động nêu các sáng kiến quan trọng, bao gồm lập một số cơ chế mới như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+), Hội nghị những người đứng đầu các cơ quan an ninh ASEAN (MACOSA), và việc mở rộng Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) với sự tham gia của Nga và Mỹ.

- Trên nền tảng kết quả tốt đẹp của năm 2010, Việt Nam tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò chủ động và tích cực trong triển khai các trọng tâm, ưu tiên hướng mạnh về mục tiêu hình thành Cộng đồng như nỗ lực thực hiện hiệu quả và đúng hạn Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN; đẩy mạnh thu hẹp khoảng cách phát triển, triển khai kết nối ASEAN; đóng góp quan trọng vào việc xây dựng và triển khai các văn kiện và quyết sách chiến lược của ASEAN trong giai đoạn mới như Tuyên bố về Cộng đồng ASEAN trong Cộng đồng các quốc gia toàn cầu năm 2011, Tuyên bố về các nguyên tắc quan hệ cùng có lợi của Hội nghị Cấp cao Đông Á năm 2011, Tuyên bố ASEAN về Nhân quyền năm 2012, khởi động đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP)... Trong giai đoạn điều phối quan hệ ASEAN - Trung Quốc 2009-2012, Việt Nam đã góp phần quan trọng thúc đẩy quan hệ hai bên đi vào chiều sâu và thực chất hơn, trong đó có việc thông qua chương trình

hành động thực hiện Tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Trung Quốc 2011-2015, các Nguyên tắc hướng dẫn thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC) và xây dựng các thành tố cơ bản của Bộ Quy tắc ứng xử (COC).

- Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, với mục tiêu làm cho liên kết ASEAN sâu rộng hơn và có vai trò quan trọng hơn ở khu vực. Trong năm đầu tiên thành lập Cộng đồng ASEAN và thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Việt Nam tiếp tục tham gia và đóng góp tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong hoạt động hợp tác ASEAN, góp phần quan trọng vào kết quả triển khai Tầm nhìn ASEAN 2025. Các Bộ, ngành của ta đều đã và đang xây dựng đề án, chương trình và kế hoạch triển khai thực hiện Tầm nhìn. Chỉ riêng trong năm 2016, ta đã chủ động đưa ra nhiều đề xuất mới và phát huy vai trò của ta trong ASEAN, nhận được sự hoan nghênh và ủng hộ của các nước như Tuyên bố ARF về tăng cường hợp tác giữa các lực lượng thực thi pháp luật trên biển và Danh mục các hoạt động ưu tiên thực hiện Kế hoạch hành động ASEAN-Ấn Độ 2016-2018; chủ trì đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP); chủ tọa Nhóm Đầu tư đại diện cho ASEAN trong đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP); chủ trì/đồng chủ trì nhiều hoạt động như Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN lần thứ 12, Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông và Công nghệ thông tin ASEAN lần thứ 15, Cuộc họp Quan chức Cao cấp và Nhóm làm việc chung ASEAN Trung Quốc về Tuyên bố DOC, Nhóm Chuyên gia ADMM+ lần 4 về Hành động mìn nhân đạo, Cuộc họp AICHR đặc biệt, Hội thảo AICHR về các biện pháp tuyên truyền hiệu quả chống mua bán người, Khóa đào tạo ARF về ngoại giao phòng ngừa, Diễn đàn Cảnh sát giao thông ASEAN lần thứ nhất... Trên cơ sở tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào, Việt Nam đã tích cực hỗ trợ Lào đảm nhiệm thành công nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2016.

Đặc biệt, Việt Nam đã kiên trì thúc đẩy tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trong các vấn đề khu vực và trong xử lý những thách thức an ninh, những vấn đề nảy sinh trong quan hệ với các đối tác; củng cố và thúc đẩy hợp tác trong các cơ chế, diễn đàn khu vực quan trọng

như ASEAN+3, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+). Trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam đã chủ động trao đổi và phối hợp với các nước nhằm tạo dựng đồng thuận chung trong ASEAN và giữa ASEAN và đối tác về vai trò của ASEAN và lợi ích chung trong việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải và hàng không ở Biển Đông; thúc đẩy đưa vấn đề Biển Đông vào văn kiện các hội nghị, diễn đàn với những nội dung tích cực; thúc đẩy thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố DOC và sớm hoàn tất Bộ quy tắc COC.



3. Tác động của Cộng đồng ASEAN đối với Việt Nam

Sự hình thành Cộng đồng ASEAN và việc triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 tạo ra cả cơ hội và thách thức đan xen đối với Việt Nam. Nhìn chung, các cơ hội về cơ bản là những lợi ích có được trong quá trình tham gia hợp tác ASEAN trong 25 năm qua, nhưng sẽ lớn hơn và cụ thể hơn; các thách thức cũng sẽ nhiều hơn và trực tiếp hơn.

- **Đối với quốc gia:**

+ **Về tổng thể:** tham gia tiến trình liên kết ASEAN sâu rộng hơn sẽ tiếp

tục mang lại cho Việt Nam những lợi ích quan trọng và thiết thực, hỗ trợ đặc lực cho việc triển khai hiệu quả đường lối đối ngoại mà Đại hội Đảng XII đề ra “chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh” và “chủ động tham gia và phát huy vai trò tại ASEAN”. Tuy nhiên, hội nhập khu vực sâu rộng hơn cũng đòi hỏi Việt Nam phải có chủ trương và biện pháp phù hợp hơn, sự chuẩn bị nội bộ tốt hơn, nhất là về nguồn lực và điều chỉnh luật lệ trong nước.

+ **Về chính trị - an ninh:** việc các nước ASEAN tăng cường hợp tác về chính trị, an ninh, quốc phòng sẽ góp phần duy trì môi trường hòa bình và ổn định khu vực, nâng cao khả năng xử lý những thách thức an ninh phi truyền thống; hỗ trợ đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông. Việc tăng cường giao lưu, trao đổi giữa các sĩ quan các nước ASEAN sẽ tạo sự hiểu biết, tin cậy giữa giới quân sự các nước, góp phần giảm thiểu các nguy cơ xung đột. Hợp tác về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, chia sẻ thông tin tình báo giúp người dân có cuộc sống an toàn hơn. Việc tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền sẽ góp phần thúc đẩy và bảo vệ các quyền tự do cơ bản của người dân, nhất là nhóm yếu thế. Mặt khác, Việt Nam sẽ gặp khó khăn hơn khi thỏa thuận hoặc triển khai một số biện pháp nhạy cảm và có mức liên kết sâu hơn, nhất là về dân chủ-nhân quyền và chính sách quốc phòng. Việt Nam cũng phải xử lý nhiều vấn đề phức tạp hơn liên quan đến an ninh xã hội như tội phạm qua biên giới, lao động nhập cư...

+ **Về kinh tế:** Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam với một thị trường chung rộng lớn hơn 625 triệu người, tổng GDP đạt 2.600 tỷ USD. AEC sẽ góp phần tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp ASEAN thông qua phân công lao động và trao đổi hàng hóa, dịch vụ trung gian, từ đó tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh hơn cho doanh nghiệp, thậm chí hỗ trợ doanh nghiệp cùng phát triển, tạo ra sức cạnh tranh cao của khu vực ASEAN, đáp ứng nhu cầu lớn không chỉ trong khu vực ASEAN mà đặc biệt là hướng ra người tiêu dùng của các khu vực phát triển. Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) sẽ là cơ hội lớn cho doanh nghiệp, tạo ra thị trường rộng lớn với dân số 3,4 tỉ người, tổng GDP khoảng 21.300 tỷ USD,

giá trị thương mại hàng năm lên tới 10.700 tỉ USD. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ gặp sự cạnh tranh gay gắt hơn trong quá trình thỏa thuận và thực thi các cam kết về liên kết kinh tế sâu rộng hơn, do năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế.

+ **Về văn hóa - xã hội:** Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC) mang lại cơ hội cho Việt Nam tiếp nhận thông tin, khoa học-công nghệ, kinh nghiệm quản lý hiện đại và nguồn lực, đào tạo và nâng cao năng lực của cán bộ, tạo chuyển biến tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, luật lệ và thủ tục trong nước cho phù hợp hơn với yêu cầu hội nhập quốc tế. Khó khăn chính đối với Việt Nam là các hoạt động hợp tác văn hóa-xã hội ASEAN trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau, thiếu sự gắn kết, trong khi nguồn lực tham gia của Việt Nam có hạn.

+ **Về đối ngoại:** Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để mở rộng và tăng cường quan hệ song phương với các đối tác của ASEAN, nhất là các nước lớn, cũng như tham gia sâu rộng hơn vào các khuôn khổ hợp tác quốc tế hay liên khu vực rộng lớn hơn; qua đó góp phần nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam. Mặt khác, việc mở rộng quan hệ cũng khiến Việt Nam nói chung và ASEAN nói riêng đứng trước khó khăn trong việc bảo đảm đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trước tác động của các nước lớn đối với ASEAN.

- Đối với doanh nghiệp: Các thỏa thuận kinh tế trong ASEAN và giữa ASEAN và các Đối tác loại bỏ các hàng rào thuế quan và giảm bớt các hàng rào phi thuế quan, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp Việt Nam: (i) giảm chi phí nhập khẩu; (ii) hạ giá thành sản phẩm; (iii) mở rộng thị trường xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm; (iv) tăng cường thu hút đầu tư và kinh doanh từ bên ngoài; và (v) thúc đẩy đầu tư ra các nước. Đặc biệt, các nỗ lực tự do hóa đầu tư của ASEAN làm tăng tính hấp dẫn của thị trường ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng, giúp thu hút các luồng đầu tư có chất lượng vào Việt Nam, mặt khác tăng cường đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam vào các nước ASEAN khác. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải cạnh tranh quyết liệt, thậm chí ngay tại thị trường Việt Nam. Một số doanh nghiệp Việt Nam với năng lực cạnh tranh thấp sẽ khó có khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng có giá trị cao và lợi nhuận tốt.

- Đối với người dân: Cộng đồng ASEAN được hình thành với mục tiêu cao

nhất là đảm bảo nhân dân và các quốc gia thành viên ASEAN được sống chung trong một môi trường hòa bình, công bằng, dân chủ và hòa hợp. Các hoạt động của ASEAN hướng tới hình thành một Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân, và lấy người dân làm trung tâm. Trên cơ sở đó, người dân Việt Nam, ngoài những lợi ích đối với quốc gia và doanh nghiệp nêu trên, còn được hưởng những lợi ích thiết thực khác từ Cộng đồng ASEAN gồm: (i) được sống trong một môi trường hòa bình, hữu nghị, nơi các dân tộc Đông Nam Á đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau; (ii) có nhiều lựa chọn về hàng hóa và dịch vụ với giá cả thấp và chất lượng cao hơn; (iii) có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm theo chuyên môn tại các nước ASEAN khác; (iv) được công nhận bằng cấp trong giáo dục cũng như kỹ năng nghề tạo điều kiện cho người lao động, nhất là lao động có tay nghề, tự do di chuyển và tìm cơ hội việc làm thuận lợi hơn trong khu vực; (v) được thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, sự tăng cường quản trị tốt trong ASEAN; (vi) được bảo vệ tốt hơn trước các nguy cơ dịch bệnh lây lan, nâng cao khả năng thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, được hưởng lợi từ các chương trình và hoạt động bảo vệ môi trường và tính bền vững của các nguồn tài nguyên thiên nhiên; (vii) có cơ hội phát huy văn hóa dân tộc truyền thống cũng như chia sẻ bản sắc chung của cộng đồng các quốc gia ASEAN; (viii) đi lại thuận tiện hơn trong các nước ASEAN (miễn thị thực 15-30 ngày).





V. HỢP TÁC THANH NIÊN TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN, ASEAN+

1. Các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN

- Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN (AMMY) được tổ chức luân phiên 02 năm/lần tại các nước ASEAN. Năm 2011, Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN được tổ chức tại Việt Nam. Năm 2019, Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN đã được tổ chức từ ngày 18 – 20/7/2019 tại Lào.

- Hội nghị quan chức cấp vụ về thanh niên ASEAN (SOMY) được tổ chức hàng năm, lần đầu tiên năm 2003 tại In-đô-nê-xi-a (Trước đó là Hội nghị Tiểu ban Thanh niên ASEAN ASY). SOMY thảo luận và thống nhất các sáng kiến và hoạt động hợp tác cụ thể trong ASEAN. Việt Nam chủ trì tổ chức SOMY tại Hà Nội vào năm 2010. SOMY 2019 đã được tổ chức từ ngày 16 – 18/7/2019 tại Lào.

- Ngày thanh niên ASEAN (AYDM) được tổ chức nhằm tôn vinh các thanh niên hoặc tổ chức thanh niên có thành tích xuất sắc trong một số lĩnh vực. Hoạt động thường được lồng ghép vào các sự kiện lớn như Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN và được nước Chủ tịch Thanh niên ASEAN đương nhiệm chủ trì. Năm 2019, Ngày thanh niên ASEAN lần thứ 23 đã được lồng ghép tổ chức trong thời gian diễn ra Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN tại Lào từ ngày 17 – 19/7/2019.

- Lễ tiếp kiến lãnh đạo cấp cao ASEAN: Hàng năm, tại Hội nghị thượng đỉnh lãnh đạo cấp cao ASEAN, nước chủ nhà sẽ tổ chức Lễ tiếp kiến giữa đại diện thanh niên của các nước với lãnh đạo cấp cao ASEAN. Năm nay, Lễ tiếp kiến và các hoạt động bên lề đã được tổ chức từ ngày 20 – 24/6/2019 tại Thái Lan bên lề Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 34. Trong năm 2020, Lễ tiếp kiến lãnh đạo cấp cao ASEAN sẽ được tổ chức tại Việt Nam bên lề Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 36.

- Các hội nghị, hội thảo, dự án cho thanh niên ASEAN được tổ chức tại các nước ASEAN với nhiều chủ đề đa dạng, phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên của hợp tác thanh niên ASEAN như: bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao kỹ năng cho thanh niên, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, đào tạo lãnh đạo trẻ và nhiều lĩnh vực khác.

2. Các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN+

- **Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN+3 (AMMY+3)** được tổ chức luân phiên 02 năm/lần tại các nước ASEAN cùng với Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN (AMMY). Năm 2011, Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN+3 được tổ chức tại Việt Nam. Năm 2019, Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN+3 đã được tổ chức từ ngày 18 – 20/7/2019 tại Lào.

- **Hội nghị quan chức cấp vụ về thanh niên ASEAN+3 (SOMY+3)** được tổ chức hàng năm song song với Hội nghị SOMY. SOMY+3 thảo luận và thống nhất các sáng kiến và hoạt động hợp tác cụ thể giữa ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Việt Nam đã chủ trì tổ chức SOMY+3 tại Hà Nội vào năm 2010. SOMY+3 năm 2019 đã được tổ chức từ ngày 16 – 18/7/2019 tại Lào.

- **ASEAN+Nhật Bản:** Nhằm xây dựng và phát huy vị thế trong khu vực, Nhật Bản đã đặc biệt chú trọng tới đối tượng thanh niên, những nhà lãnh đạo tương lai thông qua việc khởi xướng nhiều hoạt động hợp tác thanh niên khu vực, tiêu biểu là Chương trình Tàu Thanh niên Đông Nam Á – Nhật Bản (SSEAYP), Chương trình Đào tạo lãnh đạo trẻ đồng sáng tạo tri thức (JICA), Chương trình giao lưu thanh niên, sinh viên ASEAN – Đông Á (JENESYS), Chương trình Giao lưu Phát triển Thanh niên Quốc tế (INDEX).

- **ASEAN+Trung Quốc:** Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN+Trung Quốc lần thứ nhất (Bắc Kinh, 29 - 30/9/2004) đã thông qua Tuyên bố Bắc Kinh về hợp tác thanh niên ASEAN-Trung Quốc và Kế hoạch hành động chung nhằm thực hiện Tuyên bố Bắc Kinh. Theo đó, Trung Quốc đăng cai tổ chức các hoạt động hội thảo, diễn đàn, giao lưu với thanh niên ASEAN hàng năm tại Trung Quốc theo các lĩnh vực/đối tượng ưu tiên bao gồm lãnh đạo trẻ, doanh nghiệp trẻ, công chức trẻ... Ta đã thường xuyên cử các đoàn tham gia các chương trình như Trại Thanh niên ASEAN – Trung Quốc, giao lưu viên chức trẻ ASEAN – Trung Quốc, Chương trình Sáng tạo trẻ ASEAN – Trung Quốc, chương trình Mê Công – Lan Thương...

- **ASEAN+Hàn Quốc:** Trong những năm gần đây, Hàn Quốc khởi xướng và chủ trì một số hoạt động hợp tác thanh niên với ASEAN, tiêu biểu là “Chương trình giao lưu thanh niên ASEAN – Hàn Quốc hướng tới tương lai”

được tổ chức hàng năm (từ năm 1994) tại Hàn Quốc với sự tham gia của trên 100 thanh niên đến từ các nước ASEAN và Hàn Quốc hay chương trình Diễn đàn tiên phong ASEAN – Hàn Quốc. Trong khuôn khổ chương trình này, Hàn Quốc cũng cử các đoàn đại biểu thanh niên đi thăm và giao lưu với thanh niên các nước ASEAN.

3. Sự tham gia của Trung ương Đoàn và Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam vào các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN:

3.1. Việt Nam đã tham gia một cách tích cực và có trách nhiệm vào các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác thanh niên ASEAN, cụ thể như sau:

Việt Nam giữ cương vị Chủ tịch Tiểu ban Thanh niên ASEAN (nay đổi thành Hội nghị Quan chức cấp cao về Thanh niên ASEAN-SOMY) nhiệm kỳ 1996 - 1998. Việt Nam đã đăng cai tổ chức *Hội nghị Tiểu ban Thanh niên ASEAN lần thứ 14 (năm 1996)*; *Ngày Thanh niên ASEAN lần thứ 7 (năm 1998)* và *lần thứ 19 (năm 2013)*. Đặc biệt, với tư cách là điều phối viên mảng đào tạo nghề cho thanh niên ngoài nhà trường trong ASEAN, Việt Nam đã đăng cai và triển khai thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực như: *Hội thảo về đào tạo nghề cho Thanh niên ngoài nhà trường (12/1997)*; *Hội thảo về Đào tạo nghề cho thanh niên ngoài nhà trường lần 2 (10/1998)*; *Tập huấn khu vực về kỹ năng tự lập nghiệp cho thanh niên ngoài nhà trường (5/2002)*; Thành lập danh bạ các Trung tâm dạy nghề cho thanh niên trong ASEAN, tiến tới nối mạng các Trung tâm.

Năm 2015, Việt Nam đã tổ chức Đại hội cựu thành viên Chương trình Tàu Thanh niên Đông Nam Á với sự tham gia của các đại biểu đến từ 10 nước Đông Nam Á – Nhật Bản. Cũng trong năm này, Việt Nam đã tổ chức thành công Diễn đàn Doanh nhân trẻ ASEAN+3 lần thứ nhất vào tháng 12 theo Sáng kiến Hà Nội mà Việt Nam đề xuất tại Hội nghị Bộ trưởng thanh niên ASEAN năm 2011 diễn ra tại Việt Nam. Diễn đàn nhận được sự tham gia của đông đảo các doanh nhân trẻ của ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Tiếp nối thành công của Diễn đàn lần thứ nhất, tháng 12 năm 2018, Việt Nam đã tổ chức Diễn đàn Doanh nhân trẻ ASEAN+3 lần thứ 2 tại thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của gần 100 đại biểu.

Việt Nam đã tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm vào các hoạt động, chương trình do các nước thành viên ASEAN tổ chức. Trung bình mỗi năm, Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cử hơn 100 thanh niên tham gia vào các hoạt động giao lưu, hợp tác, hội nghị, hội thảo thanh niên do các nước ASEAN chủ trì tổ chức. Các hoạt động này đã tạo cơ hội cho đại biểu thanh niên Việt Nam được tham gia vào các hoạt động quốc tế thanh niên trong khu vực, giúp thanh niên Việt Nam hiểu biết hơn về thanh niên các nước ASEAN, về cộng đồng ASEAN; đồng thời cũng là cơ hội để tranh thủ quảng bá, giới thiệu về Việt Nam, về các tổ chức thanh niên Việt Nam và các phong trào hành động cách mạng thanh niên Việt Nam. Đại biểu Việt Nam tham gia các chương trình giao lưu, hợp tác thanh niên ASEAN, ASEAN+ đều được tuyển chọn kỹ lưỡng, có chất lượng và trình độ cao, đóng góp vào thành công chung của đoàn đại biểu Việt Nam trong các chương trình giao lưu quốc tế. Đặc biệt, những năm gần đây, Trung ương Đoàn và Ủy ban thanh niên đã cải tiến phương pháp tuyển chọn, tập huấn đại biểu, giúp cho đại biểu được trang bị kỹ càng trước khi tham gia hoạt động.

Nhìn chung, các hoạt động hợp tác thanh niên trong khuôn khổ ASEAN góp phần tích cực trong việc thể hiện trách nhiệm, nâng cao vai trò của Việt Nam trong khu vực, hỗ trợ và khuyến khích phong trào thanh niên trong nước (*các hoạt động nhằm phát triển nguồn nhân lực trẻ, Giải thưởng Thanh niên ASEAN...*), tạo điều kiện thiết lập và tăng cường hợp tác song phương về thanh niên giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, góp phần thực hiện đường lối và chủ trương chung của Đảng và Nhà nước trong việc thúc đẩy hợp tác với các nước ASEAN và ASEAN+ 3.

3.2. Trong khuôn khổ trụ cột Văn hóa – Xã hội của Cộng đồng ASEAN:

Là thành viên tham gia đóng góp vào trụ cột Văn hóa – Xã hội của Cộng đồng ASEAN tại Việt Nam, Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam, Trung ương Đoàn đã tham gia tích cực vào các nội dung của trụ cột. Ta đã tham gia vào Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN đến năm 2025, xây dựng Kế hoạch hành động của Trung ương Đoàn - Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam nhằm

thực hiện Đề án nêu trên, tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đơn vị chủ trì trụ cột Văn hóa – Xã hội tổ chức.

Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam, Trung ương Đoàn đã cử đại diện lãnh đạo tham gia vào Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020, đóng góp vào sự chuẩn bị của Năm Chủ tịch ASEAN 2020 của Việt Nam.

3.3. Trong khuôn khổ song phương giữa Việt Nam với một số quốc gia thành viên ASEAN:

Với Lào: Trung ương Đoàn đã ký Thỏa thuận hợp tác với Đoàn TNND-CM Lào trong giai đoạn 2012 - 2017 và giai đoạn 2017 - 2022. Tổ chức Đoàn thanh niên hai nước đã phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác và các hoạt động hưởng ứng Năm đoàn kết hữu nghị Việt – Lào 2012, Năm đoàn kết hữu nghị Việt – Lào 2017. Có thể kể đến một số hoạt động nổi bật như sau: Trao đổi đoàn đại biểu thanh niên cấp cao hai nước; các cuộc Gặp gỡ Hữu nghị Thanh niên Việt Nam – Lào tại Lào và Việt Nam; Hội nghị hợp tác thanh niên các tỉnh biên giới, kết nghĩa Việt Nam – Lào; các lớp bồi dưỡng công tác Đoàn cho cán bộ Đoàn TNND-CM Lào (năm 2019, Ta tổ chức 02 lớp bồi dưỡng cho 100 cán bộ Đoàn TNND-CM Lào); Dự án Làng Hữu nghị Thanh niên biên giới Việt – Lào tại tỉnh Bolykhamxay; hỗ trợ Lào xây dựng Hội Liên hiệp thanh niên Lào; Hành trình “*Theo dấu chân lãnh tụ*”; *Trại hè thiếu nhi Việt – Lào*. Các hoạt động tình nguyện tại Lào được tổ chức thường xuyên, với nhiều hoạt động thiết thực như: khám bệnh, phát thuốc, hỗ trợ tu sửa trường học, tập huấn nâng cao kỹ năng vận động, tổ chức các hoạt động tình nguyện. Hoạt động hỗ trợ, chăm lo lưu học sinh Lào tại Việt Nam được quan tâm chu đáo. Các tỉnh, thành Đoàn, Đoàn trực thuộc, Hội sinh viên các cấp thường xuyên có hoạt động thăm hỏi, tặng quà, trao học bổng, hỗ trợ và giao lưu với sinh viên Lào đang theo học trên địa bàn nhân dịp Tết cổ truyền của nước Bạn và các ngày lễ lớn của Việt Nam và Lào.

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ Lào như Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã ủng hộ 500.000.000 triệu đồng thông qua Trung ương Đoàn TNND-CM Lào để ủng hộ, hỗ trợ

nhân dân Lào khắc phục hậu quả sự cố vỡ đập thủy điện tại tỉnh A Ta Pu. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hỗ trợ Trung ương Đoàn TNNDCM Lào xây dựng công trình thanh niên Việt – Lào (Điểm du lịch, Đài quan sát trên núi Phả Nang Mọn, huyện Viêng Xay, tỉnh Hủa Phăn) với trị giá 1.9 tỷ đồng. Công trình đã được khánh thành vào tháng 2/2019 và là điểm thu hút tham quan thúc đẩy phát triển du lịch tại tỉnh Hủa Phăn.

Thời gian qua, chương trình hợp tác thanh niên Việt - Lào đã được xây dựng và thúc đẩy tương xứng với mối quan hệ hợp tác, hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, góp phần không nhỏ vào việc củng cố tình hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa thanh niên và nhân dân hai nước.

Với Campuchia: Trong hợp tác thanh niên với Campuchia, đối tác chính của Ta là Hội Liên hiệp Thanh niên Campuchia.

Trong những năm gần đây, ta đã tổ chức các cuộc Gặp gỡ hữu nghị Thanh niên Việt nam - Campuchia tại Việt nam, trao đổi các đoàn cán bộ cấp cao Hội Liên hiệp thanh niên hai nước. Hai bên tổ chức các chương trình giao lưu thanh niên biên giới, có ý nghĩa thiết thực trong việc xây dựng và phát huy tình đoàn kết Việt Nam – Campuchia vì một đường biên hữu nghị và hòa bình. Hiện, Ta đang tiếp tục triển khai Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ Hội Thanh niên Cam-pu-chia giai đoạn 2019-2022. Tháng 11/2019, Ta đã phối hợp với Bạn tổ chức Diễn đàn thanh niên Việt Nam – Cam-pu-chia cho 120 đại biểu thanh niên hai nước.

Với Singapore: Năm 2017, Ta đón đoàn đại biểu Hội đồng Thanh niên Quốc gia Singapore sang thăm và làm việc tại Việt Nam, đồng thời ký thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam và Hội đồng Thanh niên Quốc gia Singapore về hợp tác thanh niên 02 nước. Năm 2019, đồng chí Lê Quốc Phong, Ủy viên dự khuyết BCH Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất BCH Trung ương Đoàn, Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam đã dẫn đầu đoàn 10 đại biểu sang thăm và làm việc tại Singapore. Hợp tác thanh niên Việt Nam - Singapore hiện nay đang được thúc đẩy trên cả chiều rộng lẫn chiều sâu và mang tính thực chất ở một số lĩnh vực như hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, thanh niên tình nguyện và đào tạo lãnh đạo trẻ.

Với Malaysia: Trên lĩnh vực công tác thanh niên, Malaysia có nhiều sáng kiến hợp tác, đặc biệt là trên các lĩnh vực nâng cao năng lực lãnh đạo của thanh niên, vấn đề việc làm cho thanh niên, thanh niên ngoài nhà trường v.v. Trung ương Đoàn thường xuyên cử các đoàn cán bộ đi Malaysia để tham khảo, học tập kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội hợp tác. Ngoài ra, Ủy ban thanh niên và Trung ương Đoàn giữ liên hệ chặt chẽ với Bộ Thanh niên Thể thao Malaysia nhằm mở rộng khả năng hợp tác thanh niên Việt Nam – Malaysia.

Với Thái Lan: Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam và Bộ Phát triển xã hội và An sinh Thái Lan đã ký Thỏa thuận hợp tác cho giai đoạn 2005 – 2007. Trên cơ sở Thỏa thuận trên, từ 2005, hàng năm, ta đã cử đoàn 10 cán bộ thanh niên sang thăm và làm việc tại Thái Lan trong thời gian 1 tuần và đón đoàn 10 cán bộ thanh niên Thái Lan sang thăm và làm việc tại Việt Nam trong thời gian 1 tuần. Việt Nam và Thái Lan cũng rất tích cực trong tham khảo ý kiến lẫn nhau, phối hợp và tham gia các hoạt động thanh niên đa phương trong ASEAN và Châu Á - Thái Bình Dương.

4. Các hoạt động hợp tác thanh niên ASEAN, ASEAN+ trong năm Chủ tịch ASEAN 2020:

Năm 2020, nhân sự kiện Việt Nam đảm nhận cương vị Chủ tịch luân phiên ASEAN, Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam, Trung ương Đoàn sẽ tổ chức các hoạt động, chương trình hợp tác thanh niên ASEAN, cụ thể:

- Lễ tiếp kiến thanh niên ASEAN với Lãnh đạo cấp cao ASEAN (bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN 36) tại Đà Nẵng.

- Diễn đàn thanh niên tình nguyện ASEAN mở rộng và Giải thưởng thanh niên tình nguyện ASEAN mở rộng tại Quảng Bình.

- Hội nghị Hội đồng Sinh viên ASEAN lần thứ 4 tại Hà Nội.

- Hội nghị Lãnh đạo Thanh niên ASEAN (bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN 37) tại Hà Nội

- Diễn đàn Doanh nhân trẻ ASEAN tại Quảng Ninh.

- Hội thảo các nhà khoa học trẻ ASEAN +3 tại Hà Nội.





VI. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN ASEAN

1. Giới thiệu về Nhà nước Brunei Darussalam

Brunei Darussalam thường được gọi là Vương quốc Hồi giáo Brunei hay đơn giản là Brunei, là một nước nằm trên đảo Borneo, ở Đông Nam Á.

Quốc kỳ:



Thủ đô: Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oan (Bandar Seri Begawan)

Vị trí địa lý: Bru-nây Đa-rút-xa-lam gồm hai phần tách rời nhau nằm lọt trong bang Xa-ra-oát (Sarawak) của Ma-lai-xi-a. Trừ phía Bắc giáp biển Đông (161 km bờ biển), ba mặt còn lại có chung biên giới với Đông Ma-lai-xi-a (381 km). Bru-nây Đa-rút-xa-lam gồm 4 quận: Bru-nây Mua-ra (Bru-nây Đa-rút-xa-lam Muara), Tu-tông (Tutong), Cu-a-la Be-lai (Kuala Belait) và Tem-bu-rông (Temburong).

Diện tích: 5.769 km², trong đó 70% là rừng, bờ biển dài 161 km, trong đó diện tích vùng nước là 500 km², diện tích đất liền là 5.269 km².

Khí hậu: Nhiệt đới, nóng, ẩm, chỉ có hai mùa mưa và khô. Nhiệt độ trung bình từ 24 - 32°C.

Tài nguyên thiên nhiên: Dầu mỏ, khí tự nhiên, gỗ.

Thu nhập bình quân đầu người: 31.440 USD (2017), 33.320 USD (2018), 30.240 (2019) ;

Đơn vị tiền tệ: Đô la Bru-nây Đa-rút-xa-lam (BRD).

Dân số: 451,970 (2019).

Dân tộc: người Mã-lai (66,3%); người Hoa (11,2%); thổ dân (3,4%), các dân tộc khác (19,1%).

Tôn giáo: Hồi giáo (chính thức) 67%, Phật giáo 13%, Thiên chúa giáo 10%, tín ngưỡng bản xứ và tôn giáo khác 10%.

Ngôn ngữ: Tiếng Ma-lay (chính thức), tiếng Anh và tiếng Trung Quốc.

Ngày Quốc khánh: 23/02/1984

Thể chế Nhà nước: Bru-nây Đa-rút-xa-lam theo chế độ quân chủ chuyên chế thế truyền do Quốc vương đứng đầu. Mọi quyền hành đều nằm trong tay Quốc vương và gia đình Hoàng tộc. Quốc vương có quyền tuyên bố tình trạng khẩn cấp và sửa đổi luật pháp, kể cả Hiến pháp.

Hệ thống pháp luật: dựa trên Luật pháp của Anh; đối với người Hồi giáo Luật Hồi giáo Xa-ri-a (Sharia) được áp dụng thay cho Luật dân sự.

Nguyên thủ quốc gia: Quốc vương Sun-tan Ha-gi Hát-xa-nan Bôn-ki-a (**Sultan Haji Hassanal Bolkiah**), Quốc Vương thứ 29 lên ngôi từ 05/10/1967; kiêm Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Tài chính và kinh tế, và Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang, đồng thời là thủ lĩnh Hồi giáo. Năm 2017, Bru-nây kỷ niệm 50 năm Quốc vương Sun-tan Ha-gi Hát-xa-nan Bôn-ki-a đăng quang.

Thái tử là **Hoàng tử Ha-gi An-Mu-ta-đi Bi-la (Haji Al-Muhtadee Billah)** con trai đầu của **Quốc Vương Ha-gi Hát-xa-nan Bôn-ki-a**, được tấn phong ngày 10/8/1998; ngày 25/3/2004, được phong hàm Đại tướng 4 sao và tham gia lãnh đạo quân đội. Ngày 23/5/2005, Thái tử được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Cao cấp Văn phòng Thủ tướng và tái đắc cử vị trí này vào 22/10/2015.

Giúp việc cho Quốc vương có 5 Hội đồng do Quốc vương chỉ định gồm Hội đồng Bộ trưởng Nội các; Hội đồng Tôn giáo; Hội đồng Cơ mật; Hội đồng Lập pháp (Quốc hội) và Hội đồng Truyền ngôi.

Quan hệ với Việt Nam

Việt Nam và Brunei đã thiết lập Quan hệ Đối tác Toàn diện nhân chuyến thăm cấp Nhà nước của Quốc vương Brunei tới Việt Nam vào tháng 3/2019 (xem thêm tại Tuyên bố chung về Thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện Việt Nam - Brunei, 26-28/3/2019).

Quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Brunei phát triển tốt đẹp trong 25 năm qua. Hai nước đã kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 2017.

1. Quan hệ chính trị: Hai bên đã trao đổi đoàn cấp cao tương đối thường xuyên, tin cậy chính trị tiếp tục được củng cố và nâng cao.

Về phía Việt Nam có các chuyến thăm của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (8/2007), dự Hội nghị thượng đỉnh ASEAN 22 (4/2013) và ASEAN 23 (10/2013); Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm cấp Nhà nước (11/2012), Chủ tịch nước Trần Đại Quang thăm cấp nhà nước tới Brunei vào tháng 8/2016.

Về phía Brunei, gần đây nhất là chuyến thăm cấp Nhà nước của Quốc vương tới Việt Nam vào ngày 26-28/3/2019. Ngoài ra, đã có các chuyến thăm khác của Quốc vương Brunei (5/1998), dự HNCC ASEAN 6 (12/1998), ASEM 5 (10/2004), APEC 14 (11/2006), dự Tuần lễ Cấp cao APEC tại Đà Nẵng (11/2017).

Về cơ chế hợp tác: Tháng 6/2000, hai bên đã ký MOU thành lập Ủy ban Hợp tác song phương do Bộ trưởng Ngoại giao làm Chủ tịch phân ban.

2. Kinh tế-thương mại: Brunei Darussalam là thị trường nhỏ đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. năm 2019, kim ngạch thương mại hai chiều đạt hơn 136 triệu USD, trong đó Việt Nam nhập khẩu (dầu và hóa chất) 119.5 triệu USD và xuất khẩu (gạo, hàng thủy sản) 16.5 triệu USD, tăng khoảng 150% so với Năm 2018 (54 triệu USD). Việt Nam xuất sang Brunei Darussalam chủ yếu là hàng thủy sản và gạo, nhập khẩu từ Brunei Darussalam chủ yếu là hóa chất. Hai bên đặt mục tiêu đưa kim ngạch thương mại song phương đạt 500 triệu USD vào năm 2025.

Về đầu tư: Giữa hai nước chưa có Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư (ta đã ký Hiệp định này với các nước ASEAN khác). năm 2019, Brunei Darussalam đứng thứ 21/128 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam và đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN sau Singapore, Malaysia và Thái Lan, với 179 dự án có tổng vốn đạt hơn 1 tỷ USD. Phía Việt Nam, hiện có 02 dự án đầu tư tại Brunei Darussalam với số vốn đăng ký là 3,6 triệu USD.

3. An ninh-quốc phòng: được tăng cường trong khuôn khổ song phương và ASEAN. Hai nước ký Bản Ghi nhớ về Hợp tác Quốc phòng (11/2005). Việt Nam đã lập Phòng Tù viên Quốc phòng tại Brunei (9/2009) và Brunei lập Tù viên Quốc phòng tại Việt Nam (5/2010). Hai bên thường xuyên trao đổi đoàn và học viên, hợp tác đào tạo-huấn luyện và đã ký Bản ghi nhớ hợp tác giữa Hải quân nhân dân Việt Nam và Hải quân Hoàng gia Brunei (12/2013). Brunei giúp ta một số khóa học ngắn hạn về tiếng Anh, chỉ huy tham mưu tại Học viện Quốc phòng và quản lý Hành chính công. Việt Nam cũng mời Brunei Darussalam tham dự các khóa học quan chức Quốc phòng Cấp cao các nước tại Học viện Quốc phòng Việt Nam (ta đã tổ chức 3 khóa, Brunei Darussalam cử Tù viên Quốc phòng tại Hà Nội tham dự 1 khóa).

Tháng 4/2016, Việt Nam cử tàu Hải quân 084 sang Brunei dự diễn tập an ninh hàng hải trong khuôn khổ ADMM+. Tàu huấn luyện hải quân Lê Quý Đôn thăm hữu nghị Brunei (4/2017) trong khuôn khổ chuyến thăm hữu nghị một số nước ASEAN. Ngày 2-5/10/2018 tàu Hải quân Brunei KDB DARUT-TAQWA thăm xã giao và giao lưu với Hải quân Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng.

4. Các lĩnh vực hợp tác tiềm năng khác:

- *Hợp tác Biển:* là một trong những trụ cột chính để triển khai nội hàm quan hệ Đối tác Toàn diện Việt Nam Brunei, vì lợi ích quốc gia của hai nước, hai bên cần thúc đẩy hợp tác biển và đại dương, trong đó có các hoạt động: triển khai hiệu quả Đường dây nóng về hỗ trợ các hoạt động nghề cá, triển khai liên doanh khai thác, mở rộng hợp tác nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, chia sẻ thông tin thực thi pháp luật trên biển, đối phó với các thách thức an ninh trên biển.

- *Nông nghiệp:* Hai bên đã ký Bản ghi nhớ về hợp tác Nông nghiệp và Thủy sản (5/2013) và tiến hành dự án thí điểm trồng lúa nước tại Brunei nhằm hỗ trợ Brunei đảm bảo an ninh lương thực (từ tháng 9 – tháng 12/2013). Dự án tiến triển tốt đạt năng suất 6 tấn/ha (cao hơn so với sản lượng do Brunei đang sản xuất). Tháng 4/2017, Bộ Nông nghiệp hai bên đã hợp và nhất trí triển khai thỏa thuận về hợp tác đánh cá trong vùng biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Brunei theo hình thức liên doanh; nhất trí tăng cường hợp

tác trong lĩnh vực nuôi trồng thủy-hải sản, chế biến sau thu hoạch, dịch vụ hậu cần, chống đánh bắt cá trái phép. Hai bên đã ký Thỏa thuận cấp Chính phủ về thiết lập Đường dây nóng trong các hoạt động nghề cá trên biển giữa Bộ Nông nghiệp Việt Nam và Bộ Nguồn lợi cơ bản và Du lịch Brunei (nhân chuyến thăm của Quốc vương, tháng 3/2019).

- *Giáo dục đào tạo*: Từ đầu năm 2014, Brunei tặng số học bổng toàn phần cho sinh viên Việt Nam học đại học và sau đại học. Hai nước cũng đang tiến hành cử giáo viên sang giảng dạy tại các trường và các cơ sở đào tạo của mỗi bên. Hai bên đã ký MOU về hợp tác giáo dục nhằm đẩy mạnh các cơ hội hợp tác (4/2014).

Hợp tác giữa Đại học Quốc gia Brunei (University of Brunei Darussalam) và Đại học FPT Việt Nam là điểm nhấn trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, được phía Brunei đặc biệt quan tâm. Trung tâm đào tạo tiếng Anh FPT UBD Global Center tại Đà Nẵng là cơ sở đào tạo tại nước ngoài đầu tiên của trường Đại học Quốc gia Brunei được khai trương vào tháng 11/2017 với sự chứng kiến của Quốc vương (nhân dịp tham dự Tuần lễ Cấp cao APEC 2017).

- *Du lịch và lãnh sự*: Hai bên sớm tiến tới sửa đổi thỏa thuận miễn thị thực, tăng thời hạn lưu trú cho hộ chiếu ngoại giao và công vụ lên 90 ngày và hộ chiếu phổ thông là 30 ngày. Hai bên đã ký Bản Ghi nhớ về Hợp tác Du lịch (11/2011), tuy nhiên việc triển khai còn hạn chế, trao đổi khách giữa hai nước chưa nhiều. Hai bên đang nghiên cứu việc ký Chương trình Hợp tác về Du lịch, làm cơ sở cho các chương trình, dự án để nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực du lịch.

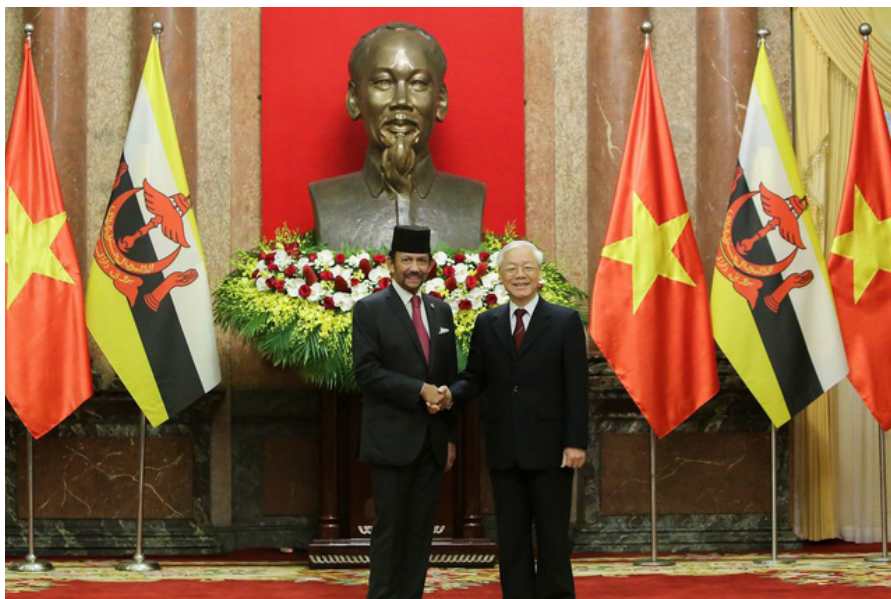
- *Lao động*: Hiện đang có khoảng 1000 lao động Việt Nam làm việc tại Brunei, chủ yếu là lao động phổ thông trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp hóa dầu và lọc dầu.

- *Dầu khí*: Tháng 11/2012, PetroVietnam và Công ty Dầu khí Quốc gia Brunei (PetroleumBRUNEI) đã ký Thỏa thuận về Hợp tác Dầu khí nhân chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang.

- *Giao thông vận tải*: Hai bên đã ký Hiệp định vận chuyển hàng không từ năm 1991 và mở đường bay trực tiếp Bandar Seri Begawan-TP. Hồ Chí Minh (5/2006).

- *Phòng chống tham nhũng*: Tháng 9/2014, tại Brunei, Tổng Thanh tra Chính phủ Việt Nam và Giám đốc cơ quan chống tham nhũng của Brunei (ACB) đã ký Bản ghi nhớ hợp tác giữa Thanh tra Chính phủ Việt Nam và Cơ quan chống tham nhũng Chính phủ Brunei.

5. Hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và cơ chế đa phương: Brunei ủng hộ Việt Nam tham gia các diễn đàn quốc tế như: Tham gia Hội đồng Chấp hành UNESCO 2015-2019; Hội đồng kinh tế Xã hội của Liên Hiệp Quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016-2018; ủng hộ Việt Nam trở thành thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 2020 – 2021. Hai nước cũng hợp tác tốt trong khuôn khổ ASEAN và các diễn đàn khu vực, quốc tế khác.



2. Giới thiệu về Vương Quốc Campuchia

Campuchia nằm trên bán đảo Đông Dương, có diện tích 181.035 km², đồng bằng chiếm ½ diện tích, núi đồi bao quanh; Thủ đô: Phnom Penh, dân số 15,285 triệu người (thống kê tháng 3/2019). Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 1.679 USD; tiền tệ: đồng Riel (hiện sử dụng cả USD trong tiêu dùng).

Quốc kỳ:



Thủ đô: Phnom Penh

Chính phủ: Quân chủ lập hiến đa đảng

Tiền tệ: Đô la Mỹ (USD) được sử dụng chính thức, Khmer Riel (KHR) có giá trị giao dịch nhỏ.

Diện tích: 181.035 km²

Dân số: Hơn 16 triệu người

Ngôn ngữ: Tiếng Khmer (chính thức), Pháp, Anh

Tôn giáo: Phật giáo Theravada 96%, Công giáo 2%, Hồi giáo 2%

Múi giờ: UTC/GMT +7

Thể chế chính trị:

- Sau bầu cử Quốc hội khóa I năm 1993 do UNTAC bảo trợ, Campuchia theo chế độ Quân chủ lập hiến. Chính phủ hiện nay gồm 01 Thủ tướng (Samdech Techo Hun Sen) và 11 Phó Thủ tướng¹. Hệ thống hành chính tổ chức theo 04 cấp (TW, tỉnh/thành, quận/huyện, xã/phường), hiện có 25 tỉnh/thủ đô, 197 thành phố/quận/huyện, 1.646 xã/phường.

¹ Sar Kheng, Tea Banh, Yim Chhay Ly, Bin Chhin, Hor Namhong, Prak Sokhonn, bà Men Sam On, Ke Kim Yan, Aun Pornmoniroth, Chea Sophara, Kong Sam Ol (không nằm trong danh sách nội các, nắm Bộ Hoàng cung Campuchia).

- *Thượng viện*: mỗi khóa 6 năm, có 62 ghế (02 ghế do Quốc vương bổ nhiệm, 02 ghế do Quốc hội bầu). Thượng viện thành lập tháng 3/1999 (không qua bầu cử), bầu cử Thượng viện khóa 4 tổ chức ngày 25/02/2018, có 02 đảng tranh cử là Đảng Nhân dân Campuchia (CPP) và Đảng FUNCINPEC. Kết quả: CPP được 58/58 ghế bầu trực tiếp. Chủ tịch Thượng viện đương nhiệm là Samdech Say Chhum.

- *Quốc hội*: mỗi khóa 5 năm, quy định có ít nhất 120 ghế trở lên, bầu nghị sỹ Quốc hội theo chế độ phổ thông đầu phiếu. Campuchia đã tổ chức 6 cuộc bầu cử Quốc hội (1993, 1998, 2003, 2008, 2013, 2018). Bầu cử Quốc hội khóa VI (7/2018) có 20 chính đảng tranh cử 125 ghế (hơn 02 ghế so với bầu cử năm 2013) với kết quả CPP thắng tuyệt đối 125/125 ghế. Tháng 9/2018, Quốc hội khóa VI được thành lập, Chủ tịch đương nhiệm là Heng Samrin.

Ngoài bầu cử Quốc hội, Thượng viện, còn có bầu cử Hội đồng thủ đô/tỉnh/thành phố/quận/huyện và bầu cử Hội đồng xã/phường.

- *Các chính đảng*: Hiện có khoảng 40 chính đảng (37 đảng chính thức đăng ký hoạt động tại Bộ Nội vụ).

Quốc khánh: 09/11/1953 (ngày Pháp trao trả độc lập cho Campuchia).

Kinh tế: Từ năm 1993, Campuchia chuyển sang nền kinh tế thị trường. Sau hơn 2 thập kỷ phát triển, với sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế và đầu tư nước ngoài, kinh tế Campuchia từng bước thay đổi. Từ 2012, GDP đạt tăng trưởng trung bình trên 7%/năm; năm 2017 đạt 7,1%, 2018 đạt 7,3%, 2019 đạt khoảng 7,1%, được WB xếp là *nước thu nhập trung bình thấp*. Campuchia đang tích cực triển khai Chiến lược Tứ giác giai đoạn 4, tập trung cải cách toàn diện kinh tế - xã hội, tăng cường hội nhập, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia có *thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2050*.

Cơ cấu kinh tế với trụ cột là nông nghiệp, dệt may, du lịch, xây dựng, trong đó công nghiệp dệt may, da giày (chiếm 80% tổng giá trị xuất khẩu). Du lịch có chiều hướng phát triển khả quan (năm 2018 đón trên 5 triệu khách quốc tế, năm 2019 khoảng 6,6 triệu), đặt mục tiêu đến năm 2020 đón 7 triệu du khách nước ngoài; phấn đấu xuất khẩu 01 triệu tấn gạo/năm.

Đối ngoại

- Theo Hiến pháp, Campuchia thực hiện chính sách trung lập, không liên kết, không xâm lược hoặc can thiệp công việc nội bộ nước khác. Campuchia gia nhập LHQ (10/1955), là thành viên thứ 10 của ASEAN (4/1999), thành viên thứ 148 của WTO (9/2003), gia nhập ASEM tại Hội nghị cấp cao ASEM 5 (10/2004) tại Hà Nội, thành viên trong hợp tác khu vực như: Ủy hội Mê Công quốc tế (MRC); Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV); Hợp tác Campuchia - Lào - Mianma - Việt Nam (CLMV); Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS); Chiến lược hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawady-Chao Phraya Mê Công (ACMECS); Hành lang Đông Tây (WEC)...

- Hiện Campuchia đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 174 nước, có Cơ quan đại diện ở 63 nước, có quan hệ thương mại với khoảng 150 quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới, chú trọng quan hệ với nước lớn (Trung Quốc, Mỹ, Nhật, EU), các nước tài trợ, láng giềng và đang đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế.

Quan hệ với Việt Nam

1. Về tổng thể, quan hệ Việt Nam - Campuchia phát triển tích cực; hai bên trao đổi nhiều chuyến thăm cấp cao quan trọng: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng thăm cấp nhà nước Campuchia (25 - 26/02/2019), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân dự APPF 28 (14 - 16/01/2019) tại Campuchia, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình thăm làm việc (12 - 13/12/2019). Ta đón TTg Hun Sen thăm chính thức hai lần (06 - 08/12/2018 và 04 - 05/10/2019), Chủ tịch Quốc hội Heng Samrin thăm chính thức (28 - 30/5/2019), PTTg - BTNG Prak Sokhonn thăm chính thức (26 - 27/11/2018); kỷ niệm 40 năm Ngày chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cùng quân, dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng (Hà Nội, 04/01/2019).

Hai bên đã tổ chức Hội nghị Hợp tác và Phát triển các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia lần thứ 10 tại Việt Nam (09-10/01/2019); Kỳ họp lần thứ 17 Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa

học và kỹ thuật (8/2019). Từ cuối 2018 đến nay, hai bên ký bổ sung/ký mới 22 văn kiện, tạo hành lang pháp lý tiếp tục thúc đẩy quan hệ toàn diện giữa hai nước.

2. Kim ngạch thương mại hai chiều năm năm 2019 đạt 5,26 tỷ USD (năm 2018 đạt gần 4,8 tỷ USD). Đến nay, Việt Nam có 219 dự án đầu tư ở Campuchia với tổng vốn đăng ký khoảng 3,3 tỷ USD, nằm trong топ 5 nước có đầu tư lớn nhất tại Campuchia. Hoạt động đầu tư của Việt Nam tại Campuchia đã có mặt ở 18/24 tỉnh thành và hầu hết các lĩnh vực quan trọng; giúp tăng thu ngân sách, thúc đẩy phát triển hạ tầng. Hai bên cũng dành quan tâm cao cho việc gia tăng hiệu quả hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, phối hợp tạo thuận lợi cho giao thương vùng biên; tổ chức các diễn đàn doanh nghiệp, gặp gỡ giữa cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam với Lãnh đạo Campuchia.

3. Trên toàn tuyến biên giới có 19 tỉnh giáp biên (Việt Nam có 10 tỉnh, Campuchia có 9 tỉnh, một số tỉnh của hai nước nằm trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV). Quan hệ mọi mặt giữa các tỉnh giáp biên Việt Nam - Campuchia được quan tâm và tích cực thúc đẩy, hợp tác trên các lĩnh vực đã được mở rộng tới cả tỉnh/thành trong nội địa (Hà Nội - Phnom Penh, TP.HCM - Phnom Penh, Hải Phòng - Preah Sihanouk, Huế - Xiêm Riệp, Đà Nẵng - Battambang..) và tới cấp huyện/xã, qua đó đóng vai trò quan trọng và đáng kể vào hợp tác chung giữa hai nước.

Tình hình an ninh, trật tự biên giới thời gian qua ổn định, hai bên đã ký 02 văn kiện pháp lý quan trọng ghi nhận thành quả (khoảng 84%) công tác phân giới cắm mốc (PGCM) biên giới trên đất liền; duy trì trao đổi thông tin và phối hợp giải quyết các vụ việc phát sinh, phối hợp trong công tác cất bốc, hồi hương hài cốt Quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Campuchia; sửa chữa, trùng tu các Đài Hữu nghị Việt Nam - Campuchia; tiến hành một số hoạt động chung (tuần tra chung trên biển; giao ban Vùng 5 Hải quân Việt Nam và Căn cứ Biển Hải quân Campuchia; lần đầu tiên Diễn tập cứu hộ cứu nạn khu vực biên giới; Giao lưu hữu nghị biên giới cấp Bộ Tư lệnh biên phòng).

Bên cạnh đó, ngoại giao nhân dân, trong đó có hoạt động của Mặt trận, Hội phụ nữ, tổ chức thanh niên, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia, Nhóm Nghị sỹ Hữu nghị... được hai bên thúc

đây, coi đây là “cầu nối” hữu nghị giữa hai dân tộc. Hai bên đã triển khai nhiều kế hoạch, hoạt động cụ thể, trong đó có việc đẩy mạnh phong trào kết nghĩa cụm dân cư biên giới, trao đổi kinh nghiệm tổ chức, quản lý ở cấp cơ sở, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết thế hệ trẻ, tổ chức các hoạt động nhân đạo, từ thiện, giao lưu, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền; phong trào “uơm mầm hữu nghị”, đỡ đầu các lưu học sinh Campuchia học tập tại Việt Nam.... Các hoạt động ý nghĩa này đã góp phần vào việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về truyền thống hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc, đóng góp tích cực cho ngoại giao nhà nước và đối ngoại Đảng, tạo sự gắn kết và làm sâu sắc thêm quan hệ hữu nghị truyền thống vốn có giữa hai nước.



4. Trao đổi đoàn cấp cao:

a. Về phía Việt Nam: Thủ tướng Võ Văn Kiệt (4/1994, 4/1996), Chủ tịch nước Lê Đức Anh (8/1995), Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu (6/1999), Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (02/2000), Chủ tịch nước Trần Đức Lương (11/2001), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (12/2002), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (3/2005), Thủ tướng Phan Văn Khải (3/2006), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (3/2007, 8/2010), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (12/2009), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (11/2010, 4/2011), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (9/2011), TBT Nguyễn Phú Trọng (12/2011, 7/2017), Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (12/2014), Chủ tịch nước Trần Đại Quang (6/2016), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (4/2017), Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng (02/2019).

b. Về phía Campuchia: Thủ tướng thứ nhất Ung Huot (6/1998), Thủ tướng Hun Sen (12/1998, 12/2013, 12/2016, 12/2018, 10/2019), Chủ tịch Thượng viện Chia Xim (7/1999), Thủ tướng Hun Sen (10/2005, 11/2008), Quốc vương Norodom Sihamoni (3/2006, 6/2008, 6/2010, 9/2012), Chủ tịch Quốc hội Heng Samrin (7/2006, 01/2009, 7/2012, 6/2017, 5/2019)./.

3. Giới thiệu về nước Cộng hòa Indonesia

Quốc kỳ:



Thủ đô: Jakarta

Vị trí địa lý: Indonesia là quốc gia quần đảo lớn nhất thế giới, gồm trên 17.500 hòn đảo lớn nhỏ nằm giữa lục địa Châu Á và Châu Đại Dương, nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Phía Bắc giáp với Malaysia, Singapore, Philippines và Biển Đông; phía Nam giáp với Australia và Ấn Độ Dương; phía Tây giáp với Ấn Độ Dương; phía Đông giáp với Papua New Guinea, Timor-Leste và Thái Bình Dương.

Diện tích: Phần đất liền rộng 1,9 triệu km² (thứ 15 thế giới).

Dân số: Khoảng 260 triệu người (thứ 4 thế giới) với 376 sắc tộc.

Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa với 2 mùa mưa và khô.

Tôn giáo: Đạo Hồi chiếm 86,1% (không phải là quốc đạo); đạo Tin lành 5,7%; đạo Thiên chúa 3%; đạo Hindu 1,8%; và đạo Phật 1%.

Ngôn ngữ: tiếng Indonesia, ngoài ra còn có hơn 700 ngôn ngữ và thổ ngữ.

Tiền tệ: Rupiah (1 USD hiện nay tương đương 14.000 Rp).

Quốc khánh: 17/8/1945.

Thể chế chính trị: cộng hòa dân chủ đại nghị tổng thống

- Hội đồng Hiệp thương Nhân dân (MPR) tương đương với Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất, có quyền sửa đổi Hiến pháp, luận tội và phế truất Tổng thống, bao gồm 711 đại biểu, trong đó 575 thành viên thuộc Hội đồng Đại biểu Nhân dân (DPR, là cơ quan lập pháp) và 136 thành viên của Hội đồng Đại biểu Địa phương (DPD, đại diện cho các tỉnh và đặc khu).

- Các lãnh đạo chủ chốt hiện nay:

+ **Tổng thống:** (Joko Widodo), từ tháng 10/2014

+ **Phó Tổng thống:** Ma'ruf Amin), từ tháng 10/2019

+ **Chủ tịch Hội đồng Hiệp thương Nhân dân:** Bam-bang Xu-xa-ti-ô (Bambang Soesatyo), từ tháng 10/2019

+ **Chủ tịch Hội đồng Đại biểu Nhân dân:** Pu-an Ma-ha-ra-ni (Puan Maharani), từ 10/2019

+ **Bộ trưởng Điều phối Chính trị, an ninh:**

+ **Bộ trưởng Ngoại giao:** Rét-nô Ma-xu-đi (Retno Marsudi), từ tháng 10/2014

Cơ chế bầu cử: phổ thông đầu phiếu với cả đại biểu Quốc hội và liên danh Tổng thống/Phó Tổng thống. Indonesia đã tổ chức tổng tuyển cử và Tổng thống/Phó Tổng thống ngày 17/4/2019 (được coi là cuộc bầu cử lớn nhất thế giới với gần 200 triệu cử tri đi bầu chỉ trong 1 ngày).

Hệ thống tư pháp: bao gồm Tòa án (bao gồm cả Tòa án Hiến pháp), công tố, kiểm sát theo mô hình Nhà nước Cộng hoà.

Đảng phái chính trị: đa đảng (tổng cộng hơn 100 đảng). Đảng Dân chủ Indonesia Đấu tranh (PDI-P) có số lượng lớn nhất tại Hạ viện (126 ghế), thứ hai là đảng Chức nghiệp (Golkar) có 85 ghế, thứ ba là đảng Phong trào Đại dân tộc Indonesia (Gerinda) có 78 ghế. Liên minh cầm quyền do PDI-P dẫn đầu có tất cả 06 đảng, chiếm 427/575 ghế, trong đó có 3 đảng dẫn đầu, các đảng còn lại chiếm 148 ghế, hình thành phe đối lập.

Quan hệ với Việt Nam

1. **Quan hệ chính trị:** Lập quan hệ ngoại giao ngày 30/12/1955 ở cấp Tổng lãnh sự và ngày 10/8/1964 nâng lên cấp Đại sứ. Quan hệ hữu nghị được xây dựng từ rất sớm và không ngừng được củng cố, và vun đắp. Giai đoạn 1955-1965 quan hệ nồng ấm mà đỉnh cao là các chuyến thăm của Chủ tịch Hồ Chí Minh (3/1959) và Tổng thống Sukarno (6/1959); từ 1966-1977 quan hệ chùng xuống do Indonesia giải quyết chính trị nội bộ, tập trung phát triển kinh tế và vấn đề Cam-pu-chia; trong thập kỷ 80 Indonesia đi đầu và

vượt ra khỏi khuôn khổ ASEAN, tích cực thúc đẩy quan hệ Việt Nam, hỗ trợ Việt Nam giải quyết vấn đề Cam-pu-chia. Từ 1990, Quan hệ hai nước phát triển triển nhanh và đã trở thành Đối tác toàn diện năm 2003. Tháng 6/2013, nhân chuyến thăm cấp Nhà nước tới Indonesia của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, hai bên ra Tuyên bố chung chính thức thiết lập quan hệ đối tác chiến lược. Tháng 8/2017, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lần đầu tiên thăm chính thức Indonesia. Tháng 9/2018, Tổng thống Indonesia Giô-cô Uy-đô-đô thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam lần đầu tiên kể từ khi được bầu làm Tổng thống. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thăm làm việc Indonesia (10/2018).

Cho tới nay, hai nước đã ký nhiều hiệp định và thoả thuận hợp tác trong các lĩnh vực, trong đó có Chương trình Hành động triển khai quan hệ Đối tác Chiến lược giai đoạn 2019 - 2023 (9/2018). Các địa phương hai nước cũng đang tích cực tăng cường quan hệ hợp tác, hiện có 06 cặp tỉnh/thành phố kết nghĩa (Jakarta-Hà Nội, Bà Rịa-Vũng Tàu - Padang, Huế - Yogyakarta, Đà Nẵng - Semarang, Sóc Trăng - Lampung và Kiên Giang - Tây Kalimantan. TP. HCM đang xúc tiến kết nghĩa với Bali).

Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh đã dự lễ nhậm chức của Tổng thống và Phó Tổng thống Indonesia (10/2019 tại Jakarta). Thứ trưởng Lê Hoài Trung dự Hội thảo và triển lãm kỷ niệm 60 năm các chuyến thăm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng thống Sukarno (11/2019 tại Jakarta). Bộ trưởng Ngoại giao Retno Marsudi thăm làm việc không chính thức và tham vấn về hợp tác trong ASEAN và Liên hợp quốc (12/2019). Hai nước đang tích cực chuẩn bị cho các hoạt động kỷ niệm 65 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (30/12/1955 - 2020) và kỳ họp lần thứ 4 Ủy ban hợp tác song phương cấp Bộ trưởng Ngoại giao trong năm 2020.

2. Hợp tác kinh tế-thương mại - đầu tư: Về thương mại, kim ngạch hai nước cơ bản tăng dần, nhất là những năm gần đây và theo hướng cân bằng hơn, năm 2019 đạt 9,2 tỷ USD, tăng 10% so với 2018, tiến gần tới mục tiêu 10 tỷ USD mà Lãnh đạo cấp cao hai nước đã nhất trí. Các mặt hàng ta xuất chủ yếu gồm gạo, dầu thô, xi măng, linh kiện điện tử, hàng nông sản; ta nhập của Indonesia phân bón, xăng dầu, bao bì, thiết bị máy móc, vải sợi, giấy và bánh

keo (ta luôn nhập siêu). Về đầu tư, tính đến hết tháng 4/2019, Indonesia tiếp tục đứng thứ 5 trong ASEAN và thứ 28/130 quốc gia đầu tư vào Việt Nam với 74 dự án trị giá 556 triệu USD, tập trung vào các lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, khai thác than, ngân hàng, khách sạn, chế biến xuất khẩu gỗ, sản xuất sợi và may mặc; một số dự án đầu tư lớn gồm: Khu đô thị Nam Thăng Long - Ciputra (2,1 tỷ USD), Liên doanh khách sạn Horizon - Pullman Hà Nội (66 triệu USD). Hiện Việt Nam có 13 dự án đầu tư sang Indonesia với số vốn 54,7 triệu USD trong các lĩnh vực đầu tư thăm dò và khai khoáng. Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật do Bộ trưởng Thương mại hai nước chủ trì đã họp 7 kỳ (8/2017).

3. Hợp tác an ninh quốc phòng: Indonesia là một trong những nước khu vực có quan hệ sớm nhất về an ninh - quốc phòng với ta, đặt phòng Tù viên quân sự từ năm 1964. Hai nước thường xuyên trao đổi đoàn quốc phòng - công an. Bộ trưởng Quốc phòng (5/2010 và 8/2016), Tổng Tư lệnh quân đội Indonesia (02/2014) thăm Việt Nam. Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam thăm Indonesia nhiều lần (5/2011, 10/2017); Bộ trưởng Công an Việt Nam thăm Indonesia (6/2016). Hai bên đã ký Tuyên bố tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng giữa hai nước giai đoạn 2017-2022; MOU về Hợp tác Quốc phòng (10/2010); Hiệp định Dẫn độ Tội phạm và Hiệp định Tương trợ Tư pháp về hình sự (2013); Ý định thư về tăng cường hợp tác cảnh sát biển (8/2017).

4. Hợp tác trong các lĩnh vực khác: Hàng năm, Indonesia cung cấp cho Việt Nam một số học bổng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, ngôn ngữ... Hai nước đã ký MOU về Hợp tác Nghề cá và các vấn đề Biển (10/2010), MOU về Hợp tác Nông nghiệp, Tài chính, Năng lượng (2013); MOU về Giáo dục (2017); Tư pháp và Pháp luật; hợp tác cung cấp than; Phát triển nông thôn; cung cấp khí gas khu vực xuyên biên giới (8/2017); Thông cáo chung về tự nguyện tham gia hợp tác quốc tế về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và thúc đẩy quản lý nghề cá bền vững (9/2018)... Hiện có đường bay thẳng kết nối TP. Hồ Chí Minh với Jakarta và Bali, Hà Nội - Bali.

5. Cộng đồng người Việt tại Indonesia: chưa đến 100 người, chủ yếu là du học sinh, chuyên gia, cán bộ làm tại các Tổ chức quốc tế có trụ sở tại Indonesia.

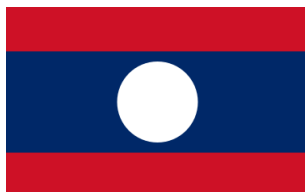
6. Về vấn đề Biển Đông: Indonesia có lập trường tích cực, ủng hộ hòa bình ổn định, thúc đẩy lòng tin, đề cao luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982; thúc đẩy đoàn kết và vai trò của ASEAN và tiếng nói chung của ASEAN về vấn đề Biển Đông. Indonesia bác bỏ yêu sách đường 9 đoạn phi lý của Trung Quốc, cho rằng yêu sách này không có cơ sở pháp lý và đã bị Tòa trọng tài theo phụ lục 7 của UNCLOS bác bỏ năm 2016



4. Giới thiệu về nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Lào là một quốc gia không giáp biển thuộc khu vực Đông Nam Á. Lào có biên giới giáp với Việt Nam ở phía đông, Trung Quốc phía bắc, Thái Lan phía tây, Myanmar phía tây bắc và Cam-pu-chia ở phía nam.

Quốc kỳ:



Thủ đô: Viêng Chăn

Diện tích: tổng cộng: 236.800, km², nước: 6.000 km², đất: 230,800 km². Lào nằm sâu trong lục địa, không có biển, diện tích chủ yếu là đồi núi.

Khí hậu: Lục địa, chia làm hai mùa gồm mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4) và mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10).

Tài nguyên thiên nhiên: Lào có nguồn tài nguyên phong phú về nông, lâm nghiệp, khoáng sản (thiếc, thạch cao, khí đốt) và thủy năng.

GDP bình quân đầu người: khoảng 1.076 USD (năm 2018).

Tiền tệ: Kip (LAK)

Dân số: Khoảng 7.2 triệu người (năm 2019), tỉ lệ tăng dân số trung bình là 2%, tuổi thọ trung bình hiện nay là 61 tuổi.

Ngôn ngữ: Tiếng Lào (chính thức), tiếng Pháp, tiếng Anh, và nhiều tiếng dân tộc khác.

Quốc khánh: 02/12/1975

Đảng Chính trị: Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (LPRP)

Tôn giáo: Phật giáo 65%, vô thần và tôn giáo khác 40%

Múi giờ: UTC/GMT +7

Thể chế nhà nước: Lào đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển chế

độ Dân chủ Nhân dân, tạo tiền đề để từng bước tiến lên Chủ nghĩa xã hội.

- *Lãnh đạo cấp cao hiện nay:*

+ *Lãnh đạo Đảng:* Tổng Bí thư Bounnhang Vorachith (được bầu tại Đại hội Đảng X, tháng 01/2016).

- *Lãnh đạo Nhà nước:* Chủ tịch nước Bounnhang Vorachith (được bầu tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Lào khóa VIII tháng 4/2016). Phó Chủ tịch nước: Phankham Viphavanh (4/2016)..

+ *Lãnh đạo Chính phủ:* Thủ tướng Thongloun Sisoulith; các Phó Thủ tướng: Bounthong Chitmany, Sonexay Siphandone, Somdy Duangdy.

+ *Lãnh đạo Quốc hội:* Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou (Nữ).

+ *Lãnh đạo Ngoại giao:* Bộ trưởng Ngoại giao Saleumxay Kommasith.

Tổng quan

Trước thế kỷ 14, lịch sử của Lào không được ghi chép rõ ràng, chủ yếu là theo truyền thuyết.

- Vào khoảng thế kỷ 14 (năm 1353), vua Fa Ngum thống nhất các tiểu vương quốc (Houaphan, Vientiane, Mương-phương, Champasack...) thành Vương quốc Lan Xang Triệu Voi) bao gồm: diện tích Lào hiện nay, một phần tỉnh Stung-treng (Đông Bắc Campuchia), vùng Ít-xản (18 tỉnh Đông Bắc Thái Lan). Đây là thời kỳ chế độ phong kiến tập trung rực rỡ nhất trong lịch sử phong kiến Lào.

- Giữa thế kỷ 16 (năm 1556), Vua Setthathirat đã rời đô từ Luang Phrabang về Vientiane.

- Thời kỳ 1559 - 1571 Vương quốc Lan Xang bị Miến Điện xâm lược ba lần. Năm 1581 Vương quốc Lan Xang giành lại được độc lập.

- Năm 1713, Vương quốc Lan Xang bị chia rẽ thành 03 vương quốc nhỏ là: Luang Phrabang, Vientiane, Champasack.

- Năm 1778 - 1779, Xiêm xâm lược và biến các vương quốc nhỏ thuộc Vương quốc Lan Xang cũ thành thuộc địa.

- Năm 1893, thực dân Pháp xâm chiếm Lào.
- Ngày 12/10/1945, nước Lào độc lập.
- Đầu năm 1946, thực dân Pháp quay lại xâm lược Lào.
- Tháng 7/1954, Pháp ký Hiệp định Geneva công nhận độc lập của Lào.
- Từ năm 1955, Mỹ tham chiến giúp Pháp đàn áp nhân dân Lào.
- Ngày 21/02/1973, Hiệp định Vientiane lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết giữa Mặt trận yêu nước Lào và phái hữu Vientiane.
- Ngày 02/12/1975, Đại hội Đại biểu Nhân dân Lào họp ở Vientiane tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Quan hệ với Việt Nam

- Ngày thiết lập quan hệ Ngoại giao với Việt Nam: 05/9/1962.
- Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào: 18/7/1977.

1. Quan hệ chính trị, ngoại giao: tiếp tục phát triển tốt, năm 2019 hai bên trao đổi hơn 200 đoàn trong đó có hơn 100 đoàn từ cấp Thứ trưởng trở lên. Ngay từ những ngày đầu năm 2020, hai bên đã tổ chức thành công Kỳ họp lần thứ 42 Ủy ban liên Chính phủ do hai Thủ tướng đồng chủ trì.

2. Hợp tác quốc phòng, an ninh: tiếp tục là một trong những trụ cột quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Lào. Hai bên tích cực, chủ động thực hiện hiệu quả Nghị định thư hợp tác 5 năm và Kế hoạch hợp tác hàng năm về quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở mỗi nước; thực hiện tốt Hiệp định về Quy chế biên giới, phối hợp triển khai Thỏa thuận giữa hai Chính phủ về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong khu vực biên giới hai nước; tiếp tục công tác tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào trong thời kỳ chiến tranh.

3. Hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư: tiếp tục được tăng cường và có những chuyển biến thực chất. Hai bên tích cực phối hợp thúc đẩy triển khai thực hiện các Thỏa thuận cấp cao hai nước đã đạt được và kết quả Kỳ

hợp lần thứ 42 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam-Lào (01/2020). Kim ngạch thương mại hai chiều năm 2019 đạt 1,16 tỷ USD tăng 12,4% so với năm 2018. Hai bên tiếp tục duy trì tăng 10-15% cho năm 2020.

Tại Kỳ họp lần thứ 42 Ủy ban liên Chính phủ 03/01/2020, hai bên đã tiến hành ký 08 văn kiện hợp tác giữa hai nước: (i) Thỏa thuận về kế hoạch hợp tác năm 2020 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào; (ii) Biên bản kỳ họp lần thứ 42 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam-Lào; (iii) Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào; (iv) Biên bản ghi nhớ giữa Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam và Bộ Công chính và Vận tải Lào; (v) Thỏa thuận giữa Kế hoạch hợp tác giáo dục năm 2020 giữa Bộ Giáo dục Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào; (vi) Hợp tác mua bán điện đối với nhà máy thủy điện Nặm Kong 2,3 và Nặm I-mun giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty TNHH Năng lượng Chạ-lon Sê-kong; (vii) Hợp đồng mua bán điện đối với nhà máy thủy điện Nặm San 3A và Nặm San 3B thuộc cụm Nhà máy thủy điện Nặm Mô giữa Tập đoàn điện lực Việt Nam và Tập đoàn Phong-sấp-thạ-vi; (viii) Biên bản ghi nhớ về hợp tác đầu tư nghiên cứu phát triển nhà máy điện than 2000 MW tỉnh Khăm-muộn.

Ta tiếp tục giữ vững vị trí nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 3 tại Lào. Theo số liệu của Bộ KHĐT Lào, hết năm 2019, đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Lào đạt 414 dự án (trong đó có 5 dự án cấp phép mới) với tổng vốn đăng ký là 4,22 tỷ USD, tập trung nhiều vào một số lĩnh vực thủy điện, khai khoáng, dịch vụ, nông nghiệp và viễn thông. Các dự án hoạt động có hiệu quả thuộc lĩnh vực ngân hàng, khách sạn, đóng góp cho ngân sách nhà nước Lào và an sinh xã hội, được các bạn Lào đánh giá cao. Vốn thực hiện đạt gần 50%, khoảng 02 tỷ USD.

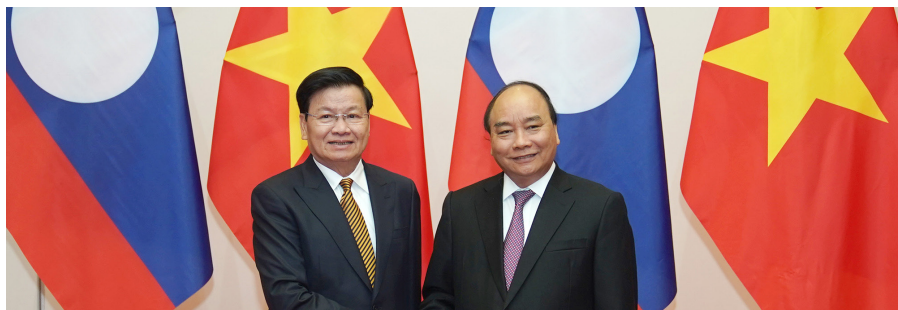
4. Hợp tác giáo dục đào tạo - văn hóa: tiếp tục được quan tâm. Hai bên phối hợp triển khai hiệu quả Đề án “Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam và Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 -2020”, chú trọng tăng cường đào tạo cán bộ chiến lược cho bạn. Năm 2019, ta đã dành cho bạn 1.271 học bổng (tăng 271 suất so với quyết định của hai Chính phủ), Lào dành cho ta 60 học bổng. Tổng số lưu

học sinh Lào đang học tập tại Việt Nam là 16.664 người (diện thỏa thuận Chính phủ 4.228 người). Các hoạt động tuyên truyền, giao lưu, văn hóa nghệ thuật, xúc tiến du lịch được quan tâm thúc đẩy ở cả cấp trung ương và địa phương, góp phần tăng cường sự gần gũi, hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, tạo được dư luận tốt.

5. Hợp tác giữa các địa phương: thứ nhất là các địa phương có chung biên giới tiếp tục được tăng cường, đặc biệt trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, chăm sóc y tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn tại các khu vực biên giới hai nước. Hai bên tiếp tục tăng cường hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Việt tại Lào và người Lào tại Việt Nam sinh sống, làm việc và học tập tại mỗi nước. Đến nay đã thành lập được Hội người Việt Nam tại 12/18 tỉnh/thành phố của Lào.

6. Hợp tác quốc tế, khu vực, tiểu vùng: Hai bên phối hợp chặt chẽ, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế; tiếp tục tăng cường hợp tác, phối hợp với các nước thành viên ASEAN khác trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN và duy trì đoàn kết, đồng thuận của ASEAN trong các vấn đề chiến lược ở khu vực. Bản tích cực ủng hộ ta vào vị trí Ủy viên không thường trực HĐBA Liên Hiệp Quốc và **đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN 2020.**

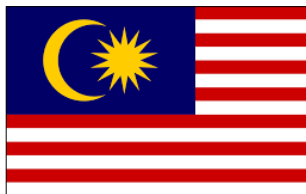
Hai bên thường xuyên hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan để quản lý, sử dụng bền vững và có hiệu quả nguồn nước sông Mê Công, bảo đảm hài hòa lợi ích của các nước trong lưu vực sông Mê Công, tiếp tục phối hợp với các bên kiểm tra, giám sát các tác động toàn diện của việc sử dụng nước sông Mê Công, nhất là sau thủy điện Xay-nhạ-bu-ly và Đôn Xa-hông đi vào hoạt động.



5. Giới thiệu về Liên Bang Malaysia

Malaysia là một quốc gia thuộc vùng Đông Nam Á. Thủ đô là Kuala Lumpur và Putrajaya là thủ đô hành chính. Malaysia nằm một phần ở phía nam của bán đảo Mã Lai và một phần ở phía bắc của đảo Borneo. Đầu tận cùng phía nam trên bán đảo Malay nối với Singapore bằng cầu.

Quốc kỳ:



Thủ đô: Kuala Lumpur

Thủ đô hành chính: Putrajaya

Vị trí địa lý: Ma-lai-xi-a nằm ở vùng Đông Nam Á, có diện tích 329.847 km². Malaysia nằm một phần ở phía nam của bán đảo Malay và một phần ở phía bắc của đảo Borneo. Đầu tận cùng phía trên bán đảo Malay nối với Singapore bằng cầu.

Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình từ 21-32°C, độ ẩm cao.

Dân số: 32.150.135 người (2018).

Dân tộc: người Malay (50,4%); người Hoa (23,7%); người Ấn Độ (7,1%); thổ dân (11%), các dân tộc khác (7,8%).

Tôn giáo: Đạo Hồi (60,4%); Phật giáo (19,2%); Thiên chúa giáo (9,1%), Hin-đu (6,3%); các tôn giáo khác (5,0%).

Ngôn ngữ: Tiếng Mã-lai (quốc ngữ); tiếng Hoa; tiếng Anh (được sử dụng rộng rãi), tiếng Ta-min (Tamil) và một số ngôn ngữ địa phương khác.

Ngày Quốc khánh: 31/8/1957.

Đơn vị tiền tệ: Ring-gít Ma-lai-xi-a (Ringgit Ma-lai-xi-a - RM).

Thu nhập bình quân đầu người: Hơn 10.800 USD (2016); phấn đấu đạt 15.000 USD vào năm 2020.

Thế chế Nhà nước: Nhà nước Ma-lai-xi-a là nhà nước quân chủ lập hiến, đứng đầu là Quốc Vương do Hội đồng Tiểu vương bầu ra và được lựa chọn trong số các Tiểu vương của 9 bang theo nhiệm kỳ 5 năm.

Các lãnh đạo chủ chốt hiện nay:

- Quốc vương Al-Sultan Abdullah Ri'ayatuddin Al-Mustafa Billah Shah Ibni Al-Marhum Sultan Haji Ahmad Shah Al-Musta'in Billah là Quốc vương thứ 16 của Ma-lai-xi-a, lên ngôi chính thức ngày 31/01/2019.

- Thủ tướng Muhyiddin Yassin là Thủ tướng thứ 8 của Malaysia, tuyên thệ nhậm chức ngày 01/3/2020.

- Bộ trưởng Ngoại giao Dato' Sri Hishammuddin Hussein, nhậm chức ngày 01/3/2020

- Chủ tịch Thượng viện Sanasee Vigneswaran, nhậm chức ngày 26/4/2016.

- Chủ tịch Hạ viện Mohamad Ariff Bin Md Yusof, nhậm chức ngày 16/7/2018.

Quan hệ với Việt Nam

1. Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao: 30/3/1973.

2. Quan hệ chính trị:

Quan hệ hai nước phát triển tốt đẹp. Hai bên thường xuyên trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao, gần đây là chuyến thăm Việt Nam của Quốc vương Mu-ha-mát đệ ngũ (3/2009, 9/2013); Thủ tướng Na-díp Tun Ra-dắc (4/2014); Thủ tướng Ma-ha-thia Mô-ha-mát (8/2019) và các chuyến thăm Ma-lai-xi-a của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (9/2011) và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (8/2015).

- Hai nước ra Tuyên bố chung về khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược nhân chuyến thăm chính thức Ma-lai-xi-a của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (8/2015); thông qua Chương trình Hành động triển khai Đối tác Chiến lược (3/2017). Năm 2018, hai bên đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Quốc hội hai nước đã trao đổi thư về việc thành lập Nhóm Nghị sỹ hữu nghị Ma-lai-xi-a - Việt Nam (8/2019).

3. Hợp tác an ninh- quốc phòng:

- Hợp tác quốc phòng được duy trì thông qua trao đổi đoàn các cấp và giao lưu, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm giữa các quân, binh chủng. Về hải quân, từ năm 2009 (gần đây nhất là tháng 7/2017), Hải quân hai nước đã tiến hành trao đổi dự thảo Bản ghi nhớ về thiết lập cơ chế tuần tra chung và liên lạc đường dây nóng, tuy nhiên phía Ma-lai-xi-a vẫn chưa đi đến quyết định do còn vướng mắc giữa Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng Ma-lai-xi-a. Bên cạnh đó, hai bên liên tục cử tàu thăm lẫn nhau. Về không quân, Quân chủng Phòng không – Không quân đã đón đoàn doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng Ma-lai-xi-a sang tìm hiểu khả năng hợp tác về một số lĩnh vực liên quan đến bảo trì, bảo dưỡng máy bay Su-30, tên lửa và radar Không quân. Vừa qua, hai bên đã ký Ý định thư về việc ký Bản ghi nhớ về Hợp tác thực thi pháp luật và tìm kiếm cứu nạn trên biển nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ma-ha-thia Mô-ha-mát.

- Hợp tác an ninh không ngừng đẩy mạnh. Hai bên tăng cường trao đổi thông tin liên quan công tác phòng, chống khủng bố, tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia. Năm 2015, hai bên đã ký kết Hiệp định về hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Ngày 27/11/2016, phía Việt Nam đã chuyển giao 08 đối tượng người In-đô-nê-xi-a trong vụ cướp tàu MT Orkim Harmony, xảy ra tại vùng lãnh hải Ma-lai-xi-a cho phía cơ quan chức năng Ma-lai-xi-a để xét xử.

4. Hợp kinh tế - thương mại – đầu tư:

- *Về thương mại:* Hai nước là một trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của nhau (Ma-lai-xi-a là đối tác thương mại thứ 8 của Việt Nam, ta là đối tác lớn thứ 10 của bạn). Kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng trưởng tốt: năm 2017 đạt hơn 10 tỷ USD, năm 2018 đạt 11,5 tỷ USD, tăng 13,2% so với năm 2017 (ta nhập 7,5 tỷ USD từ Ma-lai-xi-a, xuất khẩu của ta sang bạn đạt 4 tỷ USD), năm 2019 đạt 11,1 tỷ USD. Ta xuất chủ yếu sang Ma-lai-xi-a dầu thô, gạo, cà phê, hải sản; nhập chủ yếu sắt thép, xăng dầu, dầu mỡ động thực vật, chất dẻo nguyên liệu, máy móc thiết bị, máy vi tính và sản phẩm điện tử.

- *Về đầu tư:* Tính đến tháng 6/2019, Ma-lai-xi-a có 599 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký đạt 12,5 tỷ USD, đứng thứ 8/132 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam (chủ yếu dự án bất động sản và công nghiệp chế biến). Ta có 20 dự án đầu tư sang Ma-lai-xi-a với tổng vốn đầu tư đạt 830 triệu USD.

5. Hợp tác lao động:

Hiện có khoảng 21.000 lao động hợp pháp Việt Nam tại Ma-lai-xi-a, chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế tạo, xây dựng, nông nghiệp, thủy sản... Tháng 11/2018, hai bên đã họp Nhóm công tác chung (JWG) lần thứ nhất bên lề Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN lần thứ 25 tại Ku-a-la Lăm-pơ để triển khai thực hiện Bản ghi nhớ về hợp tác lao động (ký năm 2015).

6. Hợp tác giáo dục:

Hiện đang có khoảng hơn 1000 lưu học sinh viên Việt Nam du học tại Ma-lai-xi-a. Hai bên đã ký MOU về hợp tác giáo dục ngày 06/3/2019 (thay thế cho Bản ghi nhớ ký năm 2004).

7. Hợp tác Du lịch:

Hai bên đã ký kết Hiệp định hợp tác du lịch năm 1994. Năm 2018, khách Ma-lai-xi-a đi du lịch Việt Nam đạt hơn 540 nghìn lượt, tăng 12,4% so với năm 2017, là thị trường gửi khách đứng thứ 7 của Việt Nam.

8. Hợp tác dầu khí:

Petro Việt Nam và Petronas Ma-lai-xi-a có quan hệ hợp tác từ năm 1991 trên tất cả các lĩnh vực của ngành công nghiệp dầu khí từ tìm kiếm thăm dò đến chế biến, dịch vụ. Hai bên đang triển khai 10 dự án hợp tác với tổng trữ lượng khoảng 72.000 thùng dầu/ngày.

9. Hợp tác khu vực và quốc tế:

Hai nước thường xuyên phối hợp và ủng hộ nhau tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là ASEAN và Liên hợp quốc. Hai nước đang phối hợp tốt trong thúc đẩy phát triển Cộng đồng ASEAN.

10. Cộng đồng người Việt tại Ma-lai-xi-a:

Hiện có khoảng 65.000 người, sinh sống rải rác tại 13 bang, trong đó phần lớn là người lao động, ngoài ra còn 7.200 cô dâu và 700 sinh viên.



6. Giới thiệu về nước Cộng hòa Liên bang Myanmar:

Myanmar là một quốc gia ở Đông Nam Á, tây bắc bán đảo Trung-Ấn. biên giới chung với Trung Quốc (2.185 km), Thái Lan (1.800 km), Ấn Độ (1.463 km), Lào (235 km) và Bangladesh (193 km). Đường bờ biển dài 1.930 km. Diện tích 676.577 km².

Quốc kỳ:



Thủ đô: Naypyidaw

Chính phủ: Cộng hòa tổng thống

Tiền tệ: kyat (MMK)

Diện tích: tổng: 676.577 km², đất: 657.740 km², nước: 20.760 km²

Dân số: 54.318 triệu (6/2019)

Ngôn ngữ: Tiếng Myanmar(chính thức)

Tôn giáo: Phật giáo 89,3%, Hồi giáo (4%), Thiên chúa giáo (4%) và các tôn giáo khác.

Múi giờ: UTC/GMT +6:30

Tổng quan

Myanmar là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày 23/07/1997.

Lịch sử

Năm 1947, Aung San trở thành Phó chủ tịch Ủy ban hành pháp Miến Điện, một chính phủ chuyển tiếp. Tuy nhiên, trong tháng 7 năm 1947, các đối thủ chính trị đã ám sát Aung San và nhiều thành viên chính phủ khác. Ngày 4 tháng 1 năm 1948, quốc gia này trở thành một nước cộng hòa độc lập, với cái tên Liên bang Myanma, với Sao Shwe Thaik là Tổng thống đầu tiên và U

Nu là Thủ tướng. Không giống như đa số các thuộc địa của Anh, nước này không trở thành một thành viên của Khối thịnh vượng chung Anh bởi vì họ đã giành lại độc lập trước khi Khối thịnh vượng chung cho phép các nước cộng hòa trở thành một thành viên của nó. Một hệ thống chính trị lưỡng viện được thành lập gồm Viện đại biểu và Viện quốc gia. Vùng địa lý hiện nay của Myanmar có thể suy ngược từ Thoả ước Panglong, là toàn bộ Miến Điện gồm Hạ Miến và Thượng Miến và Các vùng biên giới, đã từng được quản lý hành chính độc lập bởi Anh Quốc.

Lá cờ của Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ được thể hiện bởi một chú 'gà chọi', một biểu tượng của tự do. Năm 1961 U Thant, khi ấy là Đại biểu thường trực của Miến Điện tại Liên hiệp quốc và cựu Thư ký Thủ tướng, được bầu làm Tổng thư ký Liên hiệp quốc; ông là người đầu tiên không xuất thân từ phương Tây lãnh đạo một tổ chức quốc tế nào cho tới lúc ấy và đã đảm nhiệm chức vụ này trong vòng mười năm. Trong số những người Miến Điện làm việc tại Liên hiệp quốc khi ông đang giữ chức Tổng thư ký có cô gái trẻ Aung San Suu Kyi.

Giai đoạn dân chủ kết thúc năm 1962 với một cuộc đảo chính quân sự do Tướng Ne Win lãnh đạo. Ông này cầm quyền trong 26 năm và theo đuổi chính sách xã hội chủ nghĩa. Năm 1974, Myanmar lấy quốc hiệu mới là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Liên bang Myanmar. Cùng năm này, đám tang của U Thant dẫn tới một cuộc biểu tình chống chính phủ đẫm máu.

Năm 1988, Cuộc nổi dậy 8888 đưa đất nước tới bên bờ vực cách mạng. Để đối phó, Tướng Saw Maung tiến hành một cuộc đảo chính. Ông thành lập Hội đồng Khôi phục Trật tự và Luật pháp Liên bang (SLORC). Myanmar quay trở lại quốc hiệu Liên bang Myanmar. Năm sau, quốc hiệu bằng tiếng Anh đổi từ Union of Burma thành Union of Myanmar. Năm 1989, thiết quân luật được ban bố sau những cuộc biểu tình rộng lớn. Các kế hoạch bầu cử Quốc hội đã hoàn thành ngày 31 tháng 5 năm 1989. Năm 1990, lần đầu tiên các cuộc bầu cử tự do được tổ chức trong vòng 30 năm. Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ, đảng của bà Aung San Suu Kyi, thắng 392 trong tổng số 485 ghế, nhưng các kết quả của cuộc bầu cử đã bị SLORC huỷ bỏ và họ từ chối giao lại quyền lực. SLORC đổi tên Miến Điện (Burma) thành Myanmar năm 1989.

Dưới sự lãnh đạo của Than Shwe, từ năm 1992 chính quyền quân sự đã tiến hành các thoả thuận ngừng bắn với các nhóm du kích thiểu số. Năm 1992, SLORC tiết lộ các kế hoạch thành lập một hiến pháp mới thông qua Hội nghị Quốc gia, bắt đầu ngày 9 tháng 1 năm 1993. Năm 1997, Hội đồng Khôi phục Trật tự và Luật pháp Liên bang được đổi tên thành Hội đồng Hòa bình và Phát triển Liên bang (SPDC). Ngày 23 tháng 6 năm 1997, Myanmar được chấp nhận gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Hội nghị Quốc gia tiếp tục được triệu tập và hoãn lại. Nhiều đảng chính trị lớn, đặc biệt Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ, đã bị trục xuất và có ít tiến bộ đã được hoàn thành. Ngày 27 tháng 3 năm 2006, hội đồng quân sự đã di chuyển thủ đô đất nước từ Yangon tới một địa điểm gần Pyinmana, đặt tên chính thức cho nó là Nay-pyidaw, có nghĩa “vùng đất của những ông vua”. Năm 2010, quốc hiệu của Myanmar đổi thành Cộng hòa Liên bang Myanmar.

Địa lý

Myanmar có tổng diện tích 678.500 kilômét vuông (261.970 dặm vuông), là nước lớn nhất trong lục địa Đông Nam Á, và là nước lớn thứ 40 trên thế giới (sau Zambia). Nước này hơi nhỏ hơn bang Texas Hoa Kỳ và hơi lớn hơn Afghanistan.

Myanmar nằm giữa Khu Chittagong của Bangladesh và Assam, Nagaland và Manipur của Ấn Độ ở phía tây bắc. Nó có đường biên giới dài nhất với Tây Tạng và Vân Nam của Trung Quốc ở phía đông bắc với tổng chiều dài 2.185 km (1.358 dặm). Myanmar giáp biên giới với Lào và Thái Lan ở phía đông nam. Myanmar có đường bờ biển dài 1.930 km (1.199 dặm) dọc theo Vịnh Bengal và Biển Andaman ở phía tây nam và phía nam, chiếm một phần ba tổng chiều dài biên giới.

Đồng bằng Ayeyarwady, diện tích gần 50.400 km², phần lớn canh tác lúa gạo. Ở phía bắc, núi Hengduan Shan tạo nên biên giới với Trung Quốc. Hkakabo Razi, nằm tại Bang Kachin, ở độ cao 5.881 m (19.295 feet), là điểm cao nhất Myanmar. Các dãy núi Rakhine Yoma, Bago Yoma và Cao nguyên Shan nằm bên trong Myanmar, cả ba đều chạy theo hướng bắc-nam từ dãy Himalaya. Các dãy núi phân chia ba hệ thống sông của Myanmar, là Ayeyarwady, Thanlwin và Sittang. Sông Ayeyarwady, con sông dài nhất

Myanma, gần 2.170 km (1.348 dặm), chảy vào Vịnh Martaban. Các đồng bằng màu mỡ nằm ở các thung lũng giữa các dãy núi. Đa số dân cư Myanma sống trong thung lũng Ayeyarwady, nằm giữa Rakhine Yoma và Cao nguyên Shan.

Khí hậu

Đa phần diện tích Myanma nằm giữa Hạ chí tuyến và Xích đạo. Myanma nằm trong vùng gió mùa Châu Á, các vùng bờ biển của nó nhận lượng mưa trung bình 5.000 mm (197 in) hàng năm. Lượng mưa hàng năm tại vùng đồng bằng gần 2.500 mm (98 in), trong khi lượng mưa trung bình hàng năm tại Vùng Khô, nằm ở trung tâm Myanma, chưa tới 1.000 mm (39 in). Các vùng phía bắc đất nước có khí hậu lạnh nhất, nhiệt độ trung bình 21 °C (70 °F). Các vùng duyên hải và đồng bằng có nhiệt độ trung bình 32 °C (90 °F).

Văn hóa

Dù có nhiều nền văn hóa bản xứ tồn tại ở Myanma, nền văn hóa chiếm vị trí trọng yếu là Phật giáo và Bamar. Văn hóa Bamar từng bị ảnh hưởng từ các nền văn hóa các nước xung quanh. Nó được biểu hiện qua ngôn ngữ, âm thực, âm nhạc, nhảy múa và sân khấu. Nghệ thuật, đặc biệt là văn học, trong lịch sử từng bị ảnh hưởng bởi phong cách Phật giáo tiểu thừa Miến Điện. Nếu coi thiên sử thi quốc gia của Myanma, Yama Zatdaw, là một sự phóng tác theo Ramayana, thì nó đã mang nhiều nét ảnh hưởng lớn từ các văn bản Thái, Mon và Ấn Độ của vở kịch này. Phật giáo cùng sự thờ phụng nat liên quan tới những nghi lễ phức tạp hay đơn giản từ một đèn bách thần gồm 37 nat.

Những người đi tu được kính trọng trên khắp Myanma, đây là một trong những quốc gia có đa số Phật giáo tiểu thừa trên thế giới. Trong các làng Myanma truyền thống, chùa chiền là trung tâm của đời sống văn hóa. Các nhà sư được sùng kính và người dân luôn quỳ trước mặt để tỏ lòng tôn trọng họ. Lễ nhập tu được gọi là shinbyu là lễ đánh dấu sự trưởng thành quan trọng nhất của một chú bé khi vào chùa tu trong một khoảng thời gian ngắn. Các cô bé cũng có lễ xuyên lỗ tai () khi đến tuổi trưởng thành. Văn hóa Myanma được thể hiện rõ rệt nhất tại những ngôi làng nơi các lễ hội địa phương được tổ chức trong suốt năm, lễ hội quan trọng nhất là lễ chùa. Nhiều làng xã ở Myanma có quy ước, các phong tục mê tín và những điều cấm kị riêng.

Thời kỳ cai trị thuộc địa của Anh cũng đã để lại một số ảnh hưởng phương Tây trong văn hóa Myanmar. Hệ thống giáo dục Myanmar theo khuôn mẫu hệ thống giáo dục Anh Quốc. Những ảnh hưởng kiến trúc thuộc địa là điều dễ nhận thấy nhất tại các thành phố lớn như Yangon. Nhiều dân tộc thiểu số, đặc biệt là người Karen ở phía đông nam và người Kachin, người Chin sống ở phía bắc và tây bắc, theo Thiên chúa giáo nhờ công của các nhà truyền giáo.

Con người

Myanmar rất đa dạng về chủng tộc dân cư. Gồm 135 dân tộc và bộ tộc, trong đó người Miến Điện (Burma) chiếm 68%, người Shan chiếm 9%, người Karen chiếm 7%, người Rakhine chiếm 4%, Người Hoa chiếm 3%, Người Ấn chiếm 2%, người Mon chiếm 2% và các dân tộc khác chiếm 5%.

Quan hệ với Việt Nam

Ngày thiết lập quan hệ Ngoại giao với Việt Nam: 28/5/1975.

Nâng cấp lên quan hệ Đối tác Hợp tác Toàn diện: 8/2017 (nhân chuyến thăm cấp Nhà nước của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng).

1. Về chính trị - đối ngoại:

Quan hệ Đối tác Hợp tác Toàn diện ngày càng được củng cố và phát triển, đặc biệt sự tin cậy chính trị giữa hai nước tiếp tục được tăng cường thông qua các chuyến thăm và tiếp xúc của lãnh đạo cấp cao hai nước. Quan hệ Đảng cũng được coi trọng và là một trụ cột quan trọng trong quan hệ song phương, hai bên nhất trí đẩy mạnh hợp tác trên tất cả các lĩnh vực tiềm năng, nhất là thương mại, đầu tư, văn hóa, xã hội và giáo dục...

Các chuyến thăm đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, hướng tới đóng góp thực chất nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác hai bên trên mọi lĩnh vực. Mới đây, Trong chuyến thăm của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (12/2019), *Hai bên đã ký Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác Hợp tác Toàn diện giai đoạn 2019 - 2024, MOU về hợp tác Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, MOU về hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao và trao công hàm về việc miễn thị thực cho người cầm hộ chiếu phổ thông từ 14 lên 30 ngày.*

Trao đổi đoàn cấp cao:

- Ta có các đoàn thăm Myanmar: Chủ tịch Hồ Chí Minh (1958); Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt (5/1994); Tổng Bí thư Đỗ Mười (5/1997); Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000); Chủ tịch nước Trần Đức Lương (5/2002); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (8/2007, 4/2010 và 12/2011) và dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới về Đông Á (6/2013), dự Hội nghị cấp cao ACMECS-6 và CLMV-7 (6/2015); Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (29/11-01/12/2012); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (7/2013); Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (8/2017); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân (9/2016) kết hợp dự AIPA 37; Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (3/2015); Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân (3/2015); Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ thăm làm việc (6/2019), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức (12/2019).

- Myanmar có các đoàn thăm ta: Thủ tướng U Nu (1954); Chủ tịch Than Suê (3/1995 và 3/2003); Thủ tướng Khin Nhun (8/2004); Thủ tướng Xô Uyn (4/2005); Thủ tướng Thên Sên (11/2007); Tổng thống Thên Sên (3/2012); Tổng thống Tin Chô (10/2016) kết hợp dự ACMECS-7 và CLMV-8; Chủ tịch Thượng viện (đồng thời là Chủ tịch Quốc hội) Khin Ong Min (6/2012); Chủ tịch Quốc hội Thura U Shwe Mann (9/2014); Chủ tịch Quốc hội U Ma Uyn Khai Than (5/2017); Cố vấn Nhà nước Ong San Su Chi (4/2018); Chủ tịch đảng Đoàn kết và Phát triển Liên bang (USDP) thăm Việt Nam (12/2018); Tổng thống Myanmar U Win Myint thăm Việt Nam và tham dự Đại lễ Vesak Liên hợp quốc (5/2019), Thống tướng Min Aung Hlaing, Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang Myanmar thăm chính thức (18 - 22/12/2019).

2. Về an ninh - quốc phòng:

Trong năm 2019, Hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai nước có nhiều tiến triển, thông qua hình thức trao đổi đoàn, các hoạt động hợp tác kinh tế quốc phòng hai nước được tích cực triển khai, có kết quả cụ thể: Lần đầu tiên tổ chức được Hội chợ triển lãm có sự tham gia của các doanh nghiệp Quân đội VN (4/2019); hoạt động của Viettel tại Myanmar là một điểm nhấn

về đầu tư của doanh nghiệp quân đội, là hình mẫu điển hình trong hợp tác kinh tế quốc phòng song phương.

3. Về thương mại, đầu tư:

Quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước có nhiều phát triển thuận lợi. Về đầu tư: Việt Nam là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 7/50 của Myanmar với 18 dự án, tổng vốn đăng ký đạt gần 2,2 tỷ USD. Về thương mại: Tính đến năm 2019, Việt Nam đã có 224 hiện diện thương mại tại Myanmar dưới nhiều hình thức: Văn phòng đại diện, chi nhánh công ty, công ty liên doanh và công ty 100% vốn Việt Nam. Kim ngạch thương mại hai chiều năm 2019 ước tính đạt 1,05 tỷ USD, vượt trước chỉ tiêu 1 tỷ USD đề ra cho năm 2020.

4. Về các lĩnh vực hợp tác khác:

- *Về nông nghiệp:* hai bên đã tổ chức nhiều đoàn công tác cấp Bộ và cấp Vụ sang thăm lẫn nhau để trao đổi kinh nghiệm và thúc đẩy hợp tác, hai bên đã ký Bản ghi nhớ về Hợp tác Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhân dịp chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm Myanmar tháng 12/2019.

- *Về giao thông-vận tải:* hai bên tích cực thúc đẩy phát triển các tuyến đường thuộc Hành lang Kinh tế Đông – Tây, các dự án kết nối đường bộ cũng như vận tải biển ven bờ nhằm phục vụ cho hợp tác giao thương, du lịch và giao lưu nhân dân giữa các nước trong khu vực.

- *Về viễn thông, một số doanh nghiệp ICT:* lớn bước đầu có hoạt động hiệu quả tại Myanmar như: Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội Viettel, Tập đoàn FPT, Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT.

- *Về du lịch, văn hóa, giao lưu nhân dân:* việc gia hạn thời gian miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông từ 14 ngày hiện nay lên thành 30 ngày sẽ góp phần thúc đẩy du lịch hai nước trong thời gian tới; hai bên nhất trí phối hợp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, tuyên truyền nhân dịp hai nước kỷ 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1975-2020). Hai bên đã thực hiện tốt Kế

hoạch Hợp tác Du lịch 2016 – 2018. Việc hai bên đã mở đường bay thẳng (2011) tạo điều kiện cho việc phát triển ngành du lịch hai nước; thường xuyên tham dự hội chợ du lịch quốc tế tổ chức tại mỗi nước và tích cực tham gia các hoạt động hợp tác du lịch chung trong khuôn khổ CLMV, ACMECS, GMS.

- *Về hợp tác khu vực và quốc tế:* Ta và Myanmar có quan điểm gần gũi, thường xuyên phối hợp và ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn quốc tế, đặc biệt là ASEAN và LIÊN HỢP QUỐC, và các cơ chế hợp tác tiểu vùng như GMS, ACMECS, CLMV, EWEC...

Về Biển Đông, Chính phủ Myanmar vẫn giữ vững lập trường cam kết duy trì, tăng cường an ninh và ổn định trong khu vực, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, tôn trọng các tiến trình ngoại giao và các phán quyết của Tòa quốc tế, không sử dụng vũ lực, tôn trọng các nguyên tắc luật pháp quốc tế đã được công nhận kể cả Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS 1982). Về vấn đề Rakhine, Việt Nam chủ trương đẩy mạnh vai trò trung tâm của ASEAN trong vấn đề này và nỗ lực thuyết phục các nước tránh nêu vấn đề tại HĐBA./.



7. Giới thiệu về Cộng hòa Philippines

Quốc kỳ:



Thủ đô: Manila.

Vị trí địa lý: Là quốc gia quần đảo ở Đông Nam Á với khoảng 7.641 đảo lớn nhỏ, gần 700 đảo có người ở, phía Bắc giáp biển Đài Loan, phía Tây Nam cách với đảo Borneo bởi biển Sulu, phía Nam cách Indonesia bởi biển Celebes, phía Đông là Thái Bình Dương, phía Tây ngăn cách với Việt Nam bởi Biển Đông (cách miền Trung Việt Nam khoảng 1.500 Km).

Diện tích đất liền: 343.448 km²; Đường bờ biển: 36,289 km.

Đặc điểm tự nhiên, khí hậu: Philippines có tổng bờ biển dài 36.289 km (đứng thứ 5 trên thế giới). Địa hình 3/4 là rừng núi. Đồng bằng nhỏ và hẹp. Philippines nằm trên rìa Tây của Vành đai Lửa Thái Bình Dương nên thường xuyên chịu ảnh hưởng của động đất và núi lửa với khoảng 10 núi lửa đang trong thời kỳ hoạt động. Philippines có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thường có bão lớn (trung bình 20 cơn bão/năm); có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa (mưa-bão từ tháng 6 đến tháng 10; khô-mát từ tháng 11 đến tháng 2; nóng-khô từ tháng 3 đến tháng 5); nhiệt độ trung bình là 25°C.

Tài nguyên thiên nhiên: Philippines là nước khá giàu tài nguyên, khoáng sản như vàng, đồng, sắt, cò-rôm, mangan, than đá, dầu lửa và khí đốt.

Thu nhập bình quân đầu người: 3.102 USD (2018).

Đơn vị tiền tệ: Peso (1 USD = 50,33 Peso, tháng 01/2018)

Dân số: khoảng 105 triệu người (2017).

Dân tộc: Dân tộc Tagalog chiếm 28,1%, Cebuano chiếm 13,1%, Ilocano chiếm 9%, Visayan chiếm 7,6%, Hiligaynon chiếm 7,5%, Bikol chiếm 6%, Waray chiếm 3,4%, Hoa kiều chiếm 2,5% và các dân tộc thiểu số khác chiếm 22,8%.

Tôn giáo: Thiên chúa giáo là quốc giáo (91%: Công giáo 80% và Tin lành 11%), Hồi giáo 5,5%, các tôn giáo khác 3%.

Ngôn ngữ: Tiếng Philippines (được tiêu chuẩn hóa từ tiếng Ta-ga-lóc) và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức. Ngoài ra, tại các dân tộc tại Philippines hiện còn sử dụng 180 thứ tiếng khác.

Ngày Tuyên bố Độc lập (Quốc khánh): 12/6/1898.

Thể chế Nhà nước: Cộng hòa Tổng thống

Từ 1986 đến nay: Nhà nước Philippines tổ chức theo Hiến pháp năm 1987: Cơ quan lập pháp cao nhất là Quốc hội; Tổng thống là người có quyền lực cao nhất, đứng đầu Nhà nước, Chính phủ và quân đội.

Quan hệ với Việt Nam

1. Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam: 12/7/1976.

2. Quan hệ chính trị:

Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Philippines phát triển tốt. Tháng 11/2002, hai nước ký Khuôn khổ Hợp tác Song phương trong 25 năm đầu thế kỷ 21 và thời kỳ tiếp theo. Ngày 17/11/2015, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước đã ký Tuyên bố chung thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược, mở ra một kỷ nguyên hợp tác mới cho quan hệ hai nước. Tháng 3/2019, hai nước ký Chương trình Hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược giai đoạn 2019 – 2024 nhằm triển khai quan hệ hợp tác song phương trong nhiều lĩnh vực cụ thể.

Hai bên đã trao đổi nhiều đoàn và tiếp xúc cấp cao và các cơ chế hợp tác song phương được duy trì đều đặn. Tổng thống Philippines Rodrigo Duterte thăm chính thức Việt Nam (9/2016). Hai bên đã tổ chức kỳ họp Ủy ban Hợp tác song phương lần thứ 9 cấp Bộ trưởng Ngoại giao tại Philippines (3/2019) và kỳ họp lần 2 Ủy ban Hỗn hợp về Hợp tác biển và Đại dương cấp Thứ trưởng Ngoại giao tại Hà Nội (9/2015). Các hoạt động giao lưu nhân dân giữa hai nước được quan tâm thúc đẩy với nòng cốt là Hội hữu nghị Philippines – Việt Nam và Hội hữu nghị Việt Nam – Philippines.

3. Quan hệ kinh tế, thương mại:

a. Kim ngạch thương mại song phương tăng đều theo hàng năm, Năm 2019 đạt 5,31 tỷ USD tăng 12,5% so với năm 2018, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Philippines gần 3,73 tỷ USD (tăng 7,8%) và nhập khẩu từ Philippines gần 1,58 tỷ USD (tăng 26,4%).

Việt Nam đứng đầu danh sách các nước xuất khẩu gạo sang Philippines (5 năm gần đây luôn chiếm 76% tổng lượng gạo nhập khẩu của Philippines, năm 2017 ta xuất khoảng 550 nghìn tấn, năm 2018 ta xuất hơn 1 triệu tấn). Riêng 7 tháng đầu năm 2019, ta đã xuất gần 1,5 triệu tấn gạo sang Philippines.

b. Về đầu tư, tính đến hết năm 2019, Philippines có 79 dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt 348 triệu USD, đứng thứ 33/130 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Việt Nam có 5 dự án đầu tư sang Philippines với tổng vốn đầu tư 4 triệu USD trong lĩnh vực phát triển phần mềm – ứng dụng, dịch vụ và thương mại.

4. Quan hệ an ninh, quốc phòng:

Hai bên tích cực triển khai các thỏa thuận đã ký kết về Hợp tác Quốc phòng, cảnh sát, biên phòng, hải quân. Bộ trưởng Quốc phòng Philippines đã thăm Việt Nam vào tháng 3/2019.

Hai bên cũng triển khai tốt các thỏa thuận hợp tác song phương về phòng và chống tội phạm, duy trì các cơ chế hợp tác sẵn có giữa Bộ Công an hai nước.

5. Quan hệ hợp tác giáo dục, văn hóa, thể thao và du lịch:

Hai bên ký Bản Thỏa thuận về hợp tác học thuật (10/2010); Kế hoạch hợp tác du lịch giai đoạn 2012-2015 (10/2011). Số lượng du học sinh Việt Nam sang Philippines ngày càng tăng (học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, bằng học bổng hoặc tự túc); khách du lịch Philippines tới Việt Nam có chiều hướng tăng lên: 27 nghìn lượt (2008) lên hơn 143.000 nghìn lượt (2017). Lượng khách du lịch từ Việt Nam sang Philippines cũng tăng từ 6.000 lượt năm 2009 lên hơn 40.000 lượt năm 2017.

6. Hợp tác trong lĩnh vực khác

Biển và đại dương: Là một trong những trụ cột chính trong quan hệ hai nước. Hai bên duy trì cơ chế hợp Ủy ban Hỗn hợp về Biển và Đại dương cấp Thứ trưởng Ngoại giao, hợp phiên đầu tiên tháng 2/2012 và phiên thứ 2 vào tháng 9/2015.

Nông - ngư nghiệp: Việt Nam bắt đầu hợp tác với Viện nghiên cứu Lúa quốc tế (IRRI) ở Philippines từ 1963 với việc cử cán bộ đến IRRI thực tập, nghiên cứu (*từ 1964-2009, IRRI đã đào tạo cho Việt Nam 254 nhà khoa học, trong đó có 55 thạc sĩ, 29 tiến sĩ*).

Thủy sản: hai bên đã ký Bản Thỏa thuận về Hợp tác Thủy sản (6/2010) để triển khai các hợp tác cụ thể trong lĩnh vực thủy sản và thành lập Ủy ban Hợp tác Nghề cá (*hợp lần 1 tháng 7/2011 tại Manila, lần 2 tháng 8/2012 tại thành phố Hồ Chí Minh*), trong đó nhất trí thiết lập đường dây nóng xử lý vấn đề đánh bắt cá trái phép và hỗ trợ ngư dân.

Hàng hải: Hiệp định Vận tải biển Việt Nam-Philippines ký 02/1992; Thỏa thuận song phương về Tìm kiếm cứu nạn trên biển (ký 10/2010) và có hiệu lực từ 12/2012.

7. Trao đổi đoàn cấp cao:

a. Về phía Việt Nam có: (i) Chủ tịch nước Lê Đức Anh (12/1995); Chủ tịch Trần Đức Lương (11/2001); Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (26-28/10/2011); (ii) Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng (9/1978); Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt (02/1992); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (01/2007 dự Cấp cao ASEAN 12; 8/2007); Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm làm việc (21 – 22/5/2014); Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc dự Cấp cao ASEAN (4/2017 và 11/2017); (iii) Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (5/1993); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (12/2003; 9/2006 dự AIPO 27); (iv) Phó Thủ tướng Trần Đức Lương (12/1993); Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tấn (6/1998); Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm (7/1998); Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm (02/2008); Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh (01/2015 và 3/2019).

b. Về phía Philippines có: (i) Tổng thống Fidel Ramos (1994), Tổng thống Joseph Estrada (1998), Tổng thống Gloria Arroyo (11/2002; 10/2004 dự Hội nghị Cấp cao ASEM 5, 11/2006 dự Hội nghị Cấp cao APEC 14), Tổng thống Benigno S. Aquino III (10/2010); Tổng thống Rodrigo Duterte (tháng 9/2016, 11/2017 dự Hội nghị Cấp cao APEC); (ii) Chủ tịch Hạ viện Ramon Mitra (1991); Chủ tịch Hạ viện De Venecia (1999 và 2002); Chủ tịch Thượng viện Drilon (4/2004); (iii) Bộ trưởng Ngoại giao Albert F. Del Rosario (3/2011 và 7/2014); Bộ trưởng Ngoại giao Jose Rene Almendras (4/2016); Bộ trưởng Ngoại giao Teodoro Lopez Locsin (7/2019).

8. Hiệp định, thỏa thuận, bản ghi nhớ giữa hai nước:

Chương trình Hành động triển khai Đối tác chiến lược giai đoạn 2019-2024 (3/2019); Hiệp định Thương mại (1/1978); Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư (02/1992); Hiệp định thành lập Ủy ban Hỗn hợp về Thương mại và Kinh tế Việt Nam - Philippines (2/1992); Thỏa thuận lập Ủy ban Hợp tác Song phương (3/1994); Bản Ghi nhớ về các nguyên tắc hồi hương người Việt Nam không phải tỵ nạn ở Philippines (2/1995); Tuyên bố chung

về nguyên tắc 9 điểm giải quyết tranh chấp ở Biển Đông (11/1995); Bản Ghi nhớ về Nghiên cứu chung về biển (4/1996); Bản Ghi nhớ về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao (01/1997); Bản Ghi nhớ về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu công vụ và cấp thị thực nhanh cho người mang hộ chiếu phổ thông (12/1998); Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ về phòng và chống các tội phạm hình sự (12/1998); Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác song phương trong 25 năm đầu thế kỷ 21 và thời kỳ tiếp theo (11/2002); Bản Thỏa thuận thăm dò địa chấn chung Việt Nam – Philippines – Trung Quốc tại Biển Đông (3/2005); Bản Thỏa thuận về Hợp tác xúc tiến Thương mại (8/2007); Bản Thỏa thuận về Hợp tác Thủy sản (6/2010); Bản Thỏa thuận về Hợp tác tìm kiếm cứu nạn (10/2010); Bản Thỏa thuận về Hợp tác xử lý sự cố tràn dầu (10/2010); Bản Thỏa thuận về Hợp tác Quốc phòng (10/2010); Bản Thỏa thuận về Hợp tác Học thuật (10/2010); Bản Thỏa thuận về Hợp tác Thương mại gạo giai đoạn 2010 – 2013 (12/2010) và giai đoạn 2014 – 2016 (gia hạn 2013); Chương trình Hành động giai đoạn 2011-2016 (10/2011); Bản Ghi nhớ về Tăng cường hợp tác và chia sẻ thông tin giữa Hải quân Việt Nam và Hải quân Philippines (10/2011); Bản Thỏa thuận về thiết lập đường dây nóng giữa Cảnh sát biển Việt Nam và Lực lượng Phòng vệ Bờ biển Philippines (10/2011); Chương trình hợp tác Du lịch 2012-2015 (10/2011); Kế hoạch hợp tác du lịch giai đoạn 2014-2016 về phát triển du lịch tàu biển (6/2014); Tuyên bố chung thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược (11/2015); Chương trình Hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược giai đoạn 2019 – 2024 (3/2019).



8. Giới thiệu về nước Cộng hòa Singapore:

Singapore là quốc gia nhỏ nhất Đông Nam Á, nằm phía nam bán đảo Mã Lai, tiếp giáp tiểu bang Johor của Malaysia về phía bắc và đối diện đảo Riau của Indonesia về phía nam. Là nước nhiệt đới, Singapore nằm cách đường xích đạo 137 km về phía Bắc

Quốc kỳ:



Thủ đô: Singapore

Chính phủ: Cộng hòa Tiền tệ: Singapore Dollar (SGD)

Diện tích: 692,7 km²

Dân số: 5.7 triệu (2019)

Ngôn ngữ: tiếng Anh , tiếng Trung , tiếng Malay, Tamil

Tôn giáo: Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Hindu giáo, Jainism, Sikhism, Đạo giáo, Nho giáo

Múi giờ: UTC/GMT +8

Tổng quan

Singapore là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày 08/08/1967. Singapore vốn là làng chài của người Mã Lai, sang thế kỷ 19 thì bị người Anh chiếm làm thuộc địa. Quân đội Đế quốc Nhật Bản chiếm đóng Singapore trong Thế chiến thứ hai, sang thời kỳ hậu thuộc địa,

Singapore gia nhập Liên bang Mã Lai. Khi có độc lập, Singapore phải đối mặt với việc tài nguyên thiên nhiên hạn hẹp, chia rẽ xã hội, chính trị bất ổn và nền kinh tế chưa phát triển. Thông qua thu hút vốn đầu tư nước ngoài và công nghiệp hóa, Singapore đã tự tạo một nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới, chủ yếu dựa vào sản xuất và dịch vụ. Hơn 80% người dân Singapore sống trong các khu nhà xây dựng sẵn của Ban Phát triển Nhà ở. Hơn một nửa dân cư sử dụng phương tiện giao thông công cộng hàng ngày. Chính phủ Singapore coi trọng triển khai các chính sách bảo vệ môi trường. Hoạt động công nghiệp nặng được giới hạn tại đảo Jurong.

Singapore theo chế độ cộng hòa, đa đảng. Tổng thống hiện nay là bà Halimah Jacob (nguyên Chủ tịch Quốc hội), nhậm chức ngày 14/9/2017. Thủ tướng là Lý Hiễn Long (Lee Hsien Loong), nhậm chức ngày 12/8/2004. Quốc hội khóa 12 của Singapore hiện có: 83 đại biểu thuộc Đảng Hành động của Nhân dân (PAP), 6 đại biểu thuộc Đảng Công nhân. Chủ tịch Quốc hội là ông Tan Chuan Jin, được bầu làm Chủ tịch Quốc hội Khóa 12 từ ngày 12/9/2017.

Quan hệ với Việt Nam

1. Về chính trị - đối ngoại: Quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam - Singapore những năm qua phát triển tích cực. Hai bên thường xuyên trao đổi đoàn, tiếp xúc cấp cao và các cấp, hợp tác kênh Đảng, Chính phủ, Nhà nước, Quốc hội không ngừng được mở rộng. Hai bên duy trì và phát huy hiệu quả các cơ chế hợp song phương, gần đây có Hội nghị Bộ trưởng kết nối hai nền kinh tế lần thứ 14 (3/2019). Về đối ngoại, Singapore thường xuyên trao đổi tin cậy với ta về nhiều vấn đề khu vực và quốc tế, phối hợp chặt chẽ với ta tại Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM... Đặc biệt, trên cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2018, Singapore đã thể hiện vai trò tích cực trong việc thúc đẩy đồng thuận, giữ các lập trường nguyên tắc của ASEAN.

Thời gian gần đây, Việt Nam đã thực hiện các chuyến thăm Singapore: năm 2020 của Trưởng Ban Nội chính trung ương Phan Đình Trạc (17 - 22/2); năm 2019 của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình và Phu nhân (22 - 24/9), Bí thư Thành ủy tp Hồ Chí Minh Nguyễn Thiện Nhân (24 - 28/8),

Trường Ban Đối ngoại Trung ương Hoàng Bình Quân (23 - 27/7), Tham khảo Chính trị cấp Thứ trưởng Ngoại giao lần thứ 12 tại Singapore (13 - 15/8).

2. Về hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư: Singapore là một trong những đối tác thương mại lớn của Việt Nam trong ASEAN. Kim ngạch thương mại song phương hai nước đạt 7,2 tỷ USD năm 2019.

Singapore tiếp tục là nhà đầu tư lớn của Việt Nam (đứng thứ 3/130 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam) với 2.226 dự án, tổng số vốn 49,1 tỷ USD tại 48/63 tỉnh, thành phố. Đầu tư của Singapore trong 11 tháng đầu năm 2019 đạt 4,47 tỷ USD, tăng 7% số dự án cấp mới và dự án tăng vốn/góp vốn so với cùng kỳ 2018. Đặc biệt, hình thức góp vốn, mua cổ phần tăng 38% về số lượt và 80% về giá trị. Xu hướng nhiều doanh nghiệp nước thứ ba đóng tại Singapore đầu tư vào Việt Nam tăng lên, chiếm 40% tổng vốn đầu tư, hầu hết trong lĩnh vực chế biến, chế tạo. Các Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIPs) tiếp tục hoạt động hiệu quả, thu hút hơn 720 nhà đầu tư từ 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng số vốn đầu tư khoảng 10 tỷ USD, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 32 tỷ USD và tạo việc làm cho khoảng 200.000 lao động.

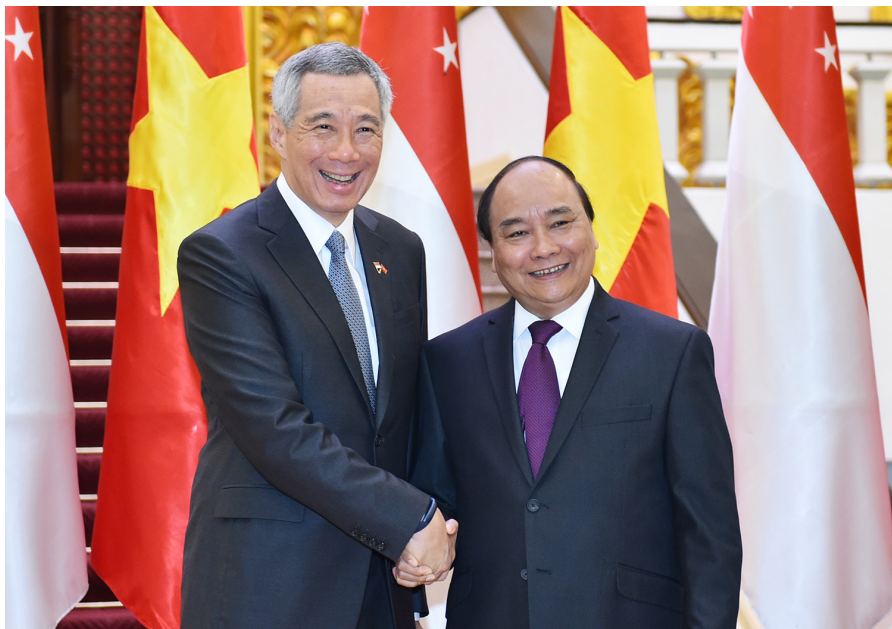
3. Về hợp tác quốc phòng - an ninh: Hai bên duy trì trao đổi đoàn cấp cao và các cơ chế đối thoại và hợp tác thường niên hiện có. Năm 2018, Bộ trưởng Quốc phòng Ngô Xuân Lịch dự Đối thoại An ninh Shangri-La (6/2018) và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (10/2018) tại Singapore; Bộ trưởng Nội vụ và Pháp luật Singapore K Shanmugam thăm chính thức Việt Nam (05-06/12/2018).

4. Hợp tác trên các lĩnh vực khác:

như tài chính - ngân hàng, giáo dục, giao thông - vận tải giữa hai nước tiếp tục được tăng cường và mở rộng. Hợp tác đào tạo cán bộ với Singapore trên lĩnh vực này tiếp tục được triển khai hiệu quả.

5. Cộng đồng người Việt tại Singapore:

Có khoảng 12.000 người: trong đó hơn 9000 sinh viên, còn lại là trí thức, chuyên gia, lao động hợp đồng và cô dâu. Nhìn chung người Việt tại Singapore là cộng đồng trí thức, tuân thủ tốt luật lệ sở tại, hướng về quê hương đất nước



9. Giới thiệu về Vương Quốc Thái Lan:

Thái Lan (tên chính thức: Vương quốc Thái Lan, tiếng Thái: ราชอาณาจักรไทย Racha-anachak Thai), là một quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, phía Bắc giáp Lào và Myanmar, phía Đông giáp Lào và Cam-pu-chia, phía Nam giáp vịnh Thái Lan và Malaysia, phía Tây giáp Myanmar và biển Andaman. Lãnh hải Thái Lan phía Đông Nam giáp với lãnh hải Việt Nam ở vịnh Thái Lan, phía Tây Nam giáp với lãnh hải Indonesia và Ấn Độ ở biển Andaman.

Quốc kỳ:



Thủ đô: Bangkok

Diện tích: 513.120 km² (lớn thứ 50 thế giới).

Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết nóng, mưa nhiều.

Tài nguyên thiên nhiên: chủ yếu là thiếc, cao su, gas, vonfram, tantalium, gỗ, chì, than non.

Thu nhập bình quân đầu người: khoảng 7.588 USD/năm (2018).

Đơn vị tiền tệ: Baht (THB) (1 USD = 32 baht).

Dân số: 69.192.108 người (2018).

Dân tộc: Thái 90% (Thái gốc Hoa chiếm 14%), còn lại là các dân tộc thiểu số như Mã Lai, Môn, Kho-me và các bộ tộc khác.

Tôn giáo: Phật giáo (94,5%), Hồi giáo (4,3%), Thiên chúa giáo (1,17%) và các đạo khác.

Ngôn ngữ: Tiếng Thái là ngôn ngữ hành chính tại Thái Lan. Tiếng Anh được giảng dạy rộng rãi nhưng mức độ thành thạo thấp.

Ngày quốc khánh: 5/12, là ngày sinh nhật Vua Rama IX Bhumibol Adulyadej

Kinh tế: Thái Lan hiện là một nước công nghiệp mới (trước vốn là nước nông nghiệp truyền thống). Bắt đầu từ năm 1960, Thái Lan thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ nhất và đến nay là Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ 12 (2017 - 2021). Chính phủ Thái Lan thực hiện chính sách “hướng xuất khẩu” và ASEAN, Mỹ, Nhật, EC là các thị trường xuất khẩu chính. Ngành du lịch cũng đóng vai trò tích cực trong nền kinh tế Thái Lan.

Về tốc độ tăng trưởng kinh tế: năm 2010 đạt 8%; năm 2011 đạt 0,1%, năm 2012 đạt 6,5%, năm 2013 đạt 2,9%, năm 2014 đạt 0,7%; năm 2015 đạt 2,7%; năm 2016 đạt 3,2%, năm 2017 đạt 3,8%, năm 2018 đạt 4,1% và 2019 đạt 2,4%, GDP trên đầu người đạt gần 19.000 USD. do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thị trường tài chính toàn cầu thắt chặt tăng trưởng kinh tế năm 2020 3,7

Thế chế nhà nước:

Sau cuộc cách mạng tư sản năm 1932, Thái Lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ Quân chủ lập hiến. Sau cuộc đảo chính quân sự năm 2014, quân đội Thái Lan đã lập ra Chính phủ quân sự và tiến hành dự thảo Hiến pháp mới.

- **Quốc hội:** Thái Lan tổ chức Tổng tuyển cử ngày 24/3/2019 (05 năm sau đảo chính). Ngày 09/5/2019 Ủy ban bầu cử Thái Lan đã công bố danh sách 500 Hạ nghị sỹ và 250 Thượng nghị sỹ². Ngày 31/5/2019, Quốc Vương Rama

2 Trong vai trò Thủ tướng kiêm Chủ tịch Hội đồng Quốc gia vì Hòa bình và Trật tự (NCPO),

X đã chính thức phê chuẩn ông Chuan Leekpai làm Chủ tịch Hạ viện và Chủ tịch Quốc hội, ông Pornpetch Wichitcholchai làm Chủ tịch Thượng viện.

- *Nguyên thủ quốc gia*: Nhà Vua Ma-hả Va-chi-ra-long-con Phrá Va-chi-ra-khao-chao-dù-húa (Rama X); lên ngôi ngày 13/10/2016, đăng quang chính thức ngày 04/5/2019.

- *Thủ tướng*: Đại tướng Prayut Chan-o-cha, ứng cử viên Thủ tướng của Đảng Quyền lực Nhà nước Nhân dân (ngày 06/6/2019 ông đã được Quốc hội bầu tiếp tục giữ chức Thủ tướng với tỉ lệ phiếu 500/750, ngày 11/6/2019 đã được Quốc vương phê chuẩn). Nội các mới đã được Quốc vương phê chuẩn ngày 10/7/2019. Việc Nội các mới tuyên thệ nhậm chức ngày 16/7/2019 đã chính thức kết thúc chế độ cầm quyền quân sự kéo dài 5 năm tại Thái Lan (từ đảo chính năm 2014).

Đối ngoại:

Thái Lan tiếp tục triển khai chính sách đối ngoại chú trọng quan hệ với ASEAN, tăng cường quan hệ với Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, trong khi cố gắng cải thiện quan hệ với Mỹ và phương Tây. Chính phủ của Thủ tướng Pra-dút tiếp tục tranh thủ các diễn đàn đa phương, khu vực (Liên hợp quốc, APEC, G77, Đối thoại hợp tác châu Á, Hợp tác Tiểu vùng CLMTV,...) để nâng cao hình ảnh, vị thế đất nước và đã đạt được những thành tựu nhất định.

Thái Lan hết sức coi trọng quan hệ với các nước ASEAN, giành nhiều ngân sách cho các hoạt động quảng bá và hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tranh thủ các cơ hội do Cộng đồng Kinh tế ASEAN mang lại. Đồng thời, Thái Lan đặc biệt coi trọng hợp tác tiểu vùng với 4 nước CLMV trong khuôn khổ các cơ chế sẵn có như ACMECS, MRC, GMS, Mê Công – Lan Thương và đặc biệt thúc đẩy hợp tác quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Mê Công. Thái Lan cũng chủ động đề xuất nhiều sáng kiến hợp tác mới như Hội nghị Bộ trưởng Lao động CLMTV (khởi xướng năm 2015; đăng cai Hội nghị

Tướng Prayut Chan-o-cha (Pra-dút Chan-o-cha) sửa đổi Hiến pháp (thông qua tháng 6/2017) quy định Hạ viện vẫn gồm 500 ghế, trong khi Thượng viện sẽ gồm 250 ghế do quân đội lựa chọn.

Hợp tác Lao động cấp Thứ trưởng 28 – 29/11/2016), Diễn đàn CLMTV (khởi xướng 2016, tập hợp các quan chức cấp Bộ trưởng và doanh nghiệp hàng đầu), hợp tác du lịch CLMTV (05 nước 1 điểm đến)...

Quan hệ với Việt Nam

1. Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao: 06/8/1976.

2. Quan hệ chính trị:

Thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1976 nhưng quan hệ hai nước chỉ bắt đầu khởi sắc từ sau chuyến thăm chính thức Thái Lan tháng 9/1978 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Từ năm 1991 đến nay quan hệ hai nước dần được cải thiện và phát triển mạnh, nhất là sau khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.

Năm 2004, hai nước đã tiến hành họp Nội các chung lần thứ nhất. Đây là cơ chế hợp tác song phương tầm vĩ mô do Thủ tướng hai nước đồng chủ trì, đề ra các định hướng lớn trong quan hệ hữu nghị hợp tác hai nước. Đến nay, cơ chế này đã họp được 03 lần (lần 1 vào tháng 02/2004, lần 2 vào tháng 10/2012 và lần 3 vào tháng 7/2015). Quan hệ hai nước phát triển tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt năm 2013, Việt Nam và Thái Lan đã chính thức nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược nhân chuyến thăm Thái Lan của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (25-27/6/2013). Hai bên đã triển khai hiệu quả Chương trình Hành động triển khai quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam – Thái Lan giai đoạn 2014-2018 và đang gấp rút hoàn tất nội dung Chương trình Hành động giai đoạn 2019-2024 để có thể ký để có thể ký tại cuộc họp Nội các chung lần thứ tư, dự kiến tổ chức trong năm 2020.

Năm 2016, Việt Nam và Thái Lan đã triển khai nhiều hoạt động tại cả hai nước để kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ Ngoại giao (06/8/1976 – 06/8/2016).

2.1 Trao đổi các đoàn cấp cao :

a. Phía Việt Nam thăm Thái Lan có các đoàn:

- Tổng Bí thư Đỗ Mười (10/1993); Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng (6/2013).

- Chủ tịch nước Trần Đức Lương (10/1998); Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (6/2012).

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng (9/1978); Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt (9/1991 và 7/1992); Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (thăm chính thức 12/2006, 02/2009, 7/2015, dự Hội nghị Cấp cao ASEAN 14 (10/2009) dự Hội nghị Cấp cao ASEAN 15 (4/2010) dự Hội nghị Cấp cao Ủy hội sông Mê Công quốc tế, 6/2012 dự Diễn đàn Kinh tế thế giới Đông Á, dự Hội nghị Thượng đỉnh các nước tiểu vùng sông Mê Công mở rộng lần thứ 5 – GMS 5 (19-20/12/2014), đồng chủ trì họp Nội các chung lần 3 (23/7/2015)); Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và Phu nhân thăm chính thức (17 – 19/8/2017), dự AC-MECS 8 và CLMV 9 (6/2018), dự Hội nghị Cấp cao ASEAN 34 (22-23/6/2019) và 35 (01-05/11/2019).

- Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1996); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (9/2003); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (12/2012); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân dự Đại hội đồng AIPA 40 và thăm chính thức (8/2019).

b. Phía Thái Lan có đoàn thăm ta:

- Thái tử Ma-hà Va-chi-ra-long-con (Maha Vajiralongkorn), hiện nay là Nhà Vua Rama X (thăm chính thức tháng 11/1992; 9/1997); thăm làm việc tháng 12/2007; 01/2008; 5/2008).

- Công chúa Si-rin-thon (Sirindhorn) (thăm chính thức tháng 2/1993; 4/2000; thăm làm việc tháng 11/2009, 4/2011, 5/2015).

- Thủ tướng A-nan (Anand) (01/1992), Thủ tướng Chuôn Lếch-phay (Chuan Leekpai) (3/1994, 12/1998 dự Hội nghị Cấp cao ASEAN 6), Thủ tướng Ban-han (Banham) (10/1995), Thủ tướng Cha-va-lít (Chavalit) (3/1997), Thủ

tướng Thạc-xin Xin-na-vất (Thaksin Shinawatra) (4/2001); Thủ tướng Xu-ray-út Chu-la-nông (Surayud Chulanont) (10/2006), 11/2006 dự Hội nghị Cấp cao APEC 14); Thủ tướng Xạ-mặc Xun-đa-ra-vệt (Samak Sundaravej) (3/2008); Thủ tướng A-bị-xít (Abhisit) (7/2009); Thủ tướng Dinh-lắc Xin-na-vất (Yingluck Shinawatra) (11/2011, 10/2012 đồng chủ trì cuộc họp Nội các chung Việt Nam-Thái Lan lần thứ 2); Thủ tướng Pra-dút Chan-ocha (Prayut Chan-o-cha) (11/2014), dự APEC (11/2017), dự GMS 6 và CLV 10 (3/2018).

- Chủ tịch Quốc hội Thái Lan: Bun-ưa Pra-xọt-xu-văn (Boon-eur Prasertsuwan) (02/1996) và Chai Chít-chóp (Chai Chidchob) (21-22/7/2009); Chủ tịch Hạ viện Xôm-xặc Kiệt-xu-ra-nôn (Somsak Kiatsuranont) (8-11/10/2011); Chủ tịch Thượng viện Thi-ra-đệt Mi-phiên (Teeradej Meepien) (22-23/12/2011); Chủ tịch Hội đồng Lập pháp Quốc gia Phon-phết Vi-chít-chon-chai (13 – 16/8/2017).

2.2 Các cơ chế hợp tác song phương:

- Nội các chung Việt Nam – Thái Lan do hai Thủ tướng đồng chủ trì: đã họp 03 lần (2004, 2012 và 2015).

- Ủy ban Hỗn hợp song phương Việt Nam-Thái Lan cấp Bộ trưởng Ngoại giao: đã họp 03 lần (2013, 2015 và 2019).

- Hợp hạp hai Bộ trưởng Ngoại giao: đã họp 03 lần (2015, 2016 và 2019).

- Đối thoại Cấp cao về Phòng chống Tội phạm và Hợp tác an ninh cấp Bộ trưởng: đã họp 01 lần (2016).

- Ủy ban Hỗn hợp Thương mại cấp Bộ trưởng: đã họp 03 lần (2012, 2015 và 2018).

- Đối thoại chính sách Quốc phòng cấp Thứ trưởng Quốc phòng: đã họp 03 lần (2017, 2018 và 2019).

- Nhóm Công tác chung Chính trị - An ninh Việt Nam - Thái Lan cấp Thứ

trưởng Bộ Công an Việt Nam và Tổng thư ký Hội đồng An ninh quốc gia Thái Lan: đã họp 11 lần (2004, 2005, 2008, 2011, 2012, 2013, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019).

- Tham khảo chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao cấp Thứ trưởng: đã họp 07 lần (2010, 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2020).

- Tham vấn Lãnh sự lần thứ nhất tại Hà Nội: đã họp 01 lần (2015).

3. Hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư:

Về thương mại, Thái Lan hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN trong khi Việt Nam là đối tác xuất khẩu lớn thứ 1 của Thái Lan trong ASEAN và thứ 4 trên thế giới. Do suy giảm kinh tế toàn khu vực, kim ngạch thương mại hai chiều năm 2019 đạt 16,9 tỷ USD, giảm 3,4% so với năm 2018. Trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 5,3 tỷ USD (giảm 3,9%) và kim ngạch nhập khẩu đạt 11,6 tỷ USD (giảm 3,2%) so với năm 2018. Hai nước đề ra mục tiêu đạt mục tiêu kim ngạch thương mại 20 tỷ USD vào năm 2020 (tại cuộc họp Ủy ban Hỗn hợp Thương mại Việt Nam – Thái Lan lần thứ 3 tháng 8/2018).

Về đầu tư, Thái Lan hiện là nhà đầu tư thứ 9/131 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam với tổng số 562 dự án và 10,9 tỷ USD vốn đăng ký tại 41/63 địa phương của Việt Nam, chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, kinh doanh bất động sản và sản xuất, phân phối điện khí nước. Việt Nam đang có 16 dự án đầu tư tại Thái Lan với tổng vốn đầu tư khoảng hơn 29 triệu USD, đứng thứ 31 trong số 78 quốc gia có đầu tư của Việt Nam, chủ yếu vào các lĩnh vực dịch vụ hàng không, bất động sản, đồ dùng gia đình, du lịch, phần mềm máy tính v.v...

4. Hợp tác quốc phòng - an ninh:

Về an ninh, hai bên tiếp tục cam kết ngăn chặn không để cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào sử dụng lãnh thổ nước này chống phá nước kia; tích cực đẩy mạnh trao đổi đoàn; tiếp tục duy trì cơ chế hợp tác; tăng cường hợp tác

trong lĩnh vực tội phạm môi trường; triển khai cơ chế Đối thoại Cấp cao lần thứ nhất về Phòng chống Tội phạm và Hợp tác an ninh, hợp Nhóm công tác chung về Chính trị - An ninh Việt Nam - Thái Lan. Hiện nay hai nước đang thúc đẩy ký kết Hiệp định dẫn độ và Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, dân sự, thương mại.

Về quốc phòng, Hai bên tiếp tục tăng cường mối quan hệ gắn bó chặt chẽ và tin cậy giữa quân đội hai nước, tích cực thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, tiếp tục triển khai Thỏa thuận về hợp tác quốc phòng (9/2012): trao đổi đoàn, đào tạo, hợp tác không quân, hải quân; trao đổi thông tin tình báo; duy trì tuần tra chung trên biển theo hướng đi vào hiệu quả, thực chất; tiếp tục triển khai cơ chế Đối thoại chính sách quốc phòng cấp Thứ trưởng lần thứ 3 tại Việt Nam (19/9).

5. Hợp tác các lĩnh vực khác:

Về lao động, hai bên đã ký kết Bản Ghi nhớ về hợp tác Lao động và Thỏa thuận về tuyển dụng lao động (7/2015). Hai bên đang thúc đẩy sửa đổi để ký mới Thỏa thuận tuyển dụng lao động đã ký giữa hai Chính phủ Việt Nam và Thái Lan trong năm 2015 để triển khai việc tiếp nhận lao động phổ thông và giúp việc gia đình của Việt Nam trong phạm vi 25 lĩnh vực đang áp dụng đối với Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma.

Hợp tác văn hóa, thể thao, du lịch và giao lưu nhân dân giữa hai nước phát triển mạnh mẽ. Năm 2016, hai nước đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Thái Lan và Việt Nam nằm trong nhóm các thị trường gửi khách hàng đầu của nhau, trao đổi khách hai bên đã đạt 1,5 triệu lượt. Năm 2019 có 1,05 triệu lượt khách Việt Nam thăm Thái Lan (tăng 2% so với năm 2018) và gần 510 nghìn lượt khách Thái Lan thăm Việt Nam (tăng mạnh 46% so với năm 2018). Hoạt động giao lưu nhân dân diễn ra sôi nổi, hiện có 17 tỉnh, thành phố của Việt Nam ký thỏa thuận hợp tác hoặc kết nghĩa với các địa phương Thái Lan.

Việt kiều tại Thái Lan có khoảng hơn 100.000 người luôn đoàn kết, gìn giữ,

phát huy truyền thống văn hóa Việt Nam. Được Hoàng gia và Chính quyền Thái Lan bảo trợ, tạo điều kiện thuận lợi, họ đã sớm hòa nhập, có nhiều đóng góp quan trọng cho kinh tế-xã hội của sở tại, một lòng hướng về quê hương đất nước.

6. Hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế:

Hợp tác trong ASEAN: Thái Lan coi trọng hợp tác trong ASEAN. Ta và Thái Lan phối hợp tốt trong ASEAN, có chung lập trường trong việc xây dựng ASEAN, trong đó có việc giữ vững đoàn kết, nhất trí trong ASEAN cũng như vai trò trung tâm và mở rộng của ASEAN trong khu vực và trong quan hệ với Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ...

Hợp tác tiểu vùng: Việt Nam và Thái Lan cùng là thành viên của nhiều cơ chế hợp tác tiểu vùng như ACD, ACMECS, GMS, Mê Công – Lan Thương, Mê Công – Nhật, Mê Công – Hàn Quốc, Mê Công – Ganga (Ấn Độ), sáng kiến hạ nguồn Mê Công – Mỹ (LMI) và Mê Công và những người bạn (FLM). Hai nước phối hợp tốt và là hai thành viên tham gia tích cực nhất trong các cơ chế hợp tác tiểu vùng.

Thái Lan đã ủng hộ và cam kết hỗ trợ ta đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021.









SỔ TAY THANH NIÊN ASEAN 2020

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN QUỐC GIA VỀ THANH NIÊN VIỆT NAM

Nguồn:

- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam
- Ban Thư ký ASEAN Quốc gia
- Bộ Ngoại giao